

CHƯƠNG VII

**BAN TỔ CHỨC CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CỦA CHÍNH PHỦ
TRONG NHỮNG NĂM HOÀN THÀNH
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC, XÂY DỰNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1973 – 1992)**

Cuối năm 1972, đầu năm 1973, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã mở các chiến dịch kết hợp tiến công và nổi dậy ở các tỉnh đồng bằng và Khu V phá kế hoạch bình định của chúng. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã tiêu diệt và làm tan rã gần 30 vạn quân địch, giải phóng những vùng đất rộng lớn với trên 1 triệu dân. Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược đó đã làm chuyển biến căn bản cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi để cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta tiến nhanh đến thắng lợi hoàn toàn.

Tại miền Bắc, quân và dân ta dũng cảm chiến đấu đánh bại các cuộc tấn công bằng không quân của đế quốc Mỹ. Chiến thắng oanh liệt của quân và dân miền Bắc trong chiến dịch phòng không, không quân mà đỉnh cao là trận “Điện Biên Phủ trên không” trên bầu trời Hà Nội đã đập tan cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, buộc chúng phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Theo Hiệp định, Mỹ phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; chấm dứt mọi sự dính líu quân sự, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam; chấp nhận lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam vẫn ở nguyên tại

miền Nam; hai bên ở miền Nam hiệp thương giải quyết vấn đề nội bộ ở miền Nam Việt Nam. Việc Mỹ rút quân khỏi miền Nam đã tạo ra sự thay đổi căn bản về so sách lực lượng giữa ta và địch. Đó là tiền đề quan trọng để Đảng và Nhà nước hoạch định kế hoạch giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Hiệp định Pari được ký kết ngày 27-01-1973 là thắng lợi to lớn của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong tiến trình đấu tranh đánh đuổi kẻ thù xâm lược, giành độc lập dân tộc. Thắng lợi đó đánh dấu bước ngoặt căn bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đầu năm 1973, với tầm nhìn chiến lược, Đảng và Nhà nước chủ trương tập trung sức người, sức của, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ cho trận đánh cuối cùng tiến đến giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; đồng thời chuẩn bị mọi mặt, trong đó có việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc xây dựng một bộ máy Nhà nước thống nhất, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ cách mạng mới, thời kỳ cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mùa Xuân năm 1975 mở ra thời kỳ mới cho lịch sử Việt Nam: cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Sự kiện huy hoàng đó đã thể hiện đường lối đúng đắn và sự lãnh đạo tài tình của Đảng, vai trò to lớn và quyết định của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ chí tình của nhân dân thế giới, trong đó có sự giúp đỡ hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bạn bè yêu chuộng hòa bình trên thế giới, đặc biệt là tinh thần đoàn kết thủy chung của ba nước Đông Dương; góp phần thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc trên phạm vi toàn thế giới; làm tăng thêm sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, cho đến những năm cuối 1970, tình hình quốc tế và trong nước vô cùng phức tạp. Trên bình diện quốc tế, các thế lực thù địch tăng cường chính sách bao vây cấm vận. Trong khi đó, tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã xuất hiện những biểu hiện trì trệ về kinh tế, khủng hoảng về chính trị.

Ở trong nước, nền kinh tế trì trệ và đang có chiều hướng lâm vào khủng hoảng. Sản xuất phát triển chậm trong khi dân số tăng nhanh; thu nhập quốc

dân chưa đảm bảo được tiêu dùng xã hội (một phần phải dựa vào đi vay và viện trợ); lương thực và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu; tình hình cung ứng năng lượng, vật tư, giao thông vận tải rất căng thẳng, chênh lệch giữa thu và chi ngân sách, giữa hàng và tiền, giữa xuất khẩu và nhập khẩu còn lớn; thị trường và vật giá không ổn định, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Hậu quả nặng nề của cuộc tổng điều chỉnh giá-lương - tiền tháng 10-1985 và những sai lầm, khuyết điểm trong quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, trong chính sách đối ngoại... từ trước tác động mạnh đến mọi mặt của đời sống xã hội và hoạt động của Đảng, Nhà nước. Sản xuất chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng, phải sử dụng nguồn vốn vay và viện trợ của nước ngoài bù đắp một phần cho quỹ tiêu dùng. Ngân sách nhà nước bị bội chi lớn do phải chi nhiều cho việc phòng thủ biên giới và làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, cho xây dựng cơ bản trong khi nguồn viện trợ và vay của nước ngoài (chủ yếu là Liên Xô) bị cắt giảm.

Cơ chế quản lý kinh tế chưa chuyển đổi kịp với sự thay đổi của nền kinh tế nhiều thành phần. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp chưa bị xóa bỏ hẳn, cơ chế quản lý kinh tế mới chưa hình thành đã kìm hãm tính năng động sáng tạo của cơ sở sản xuất, kinh doanh của người lao động và làm hạn chế đầu tư của nước ngoài vào nước ta. Nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp đình đốn, thua lỗ, thậm chí phải đóng cửa; hàng chục vạn công nhân buộc phải rời xí nghiệp. Chất lượng giáo dục và hiệu quả hoạt động của các ngành văn hóa, y tế bị giảm sút. Hiệu lực quản lý nhà nước sút kém, kỷ cương và pháp luật bị vi phạm, đạo đức xã hội suy giảm.

Đứng trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ra sức tìm tòi con đường đổi mới để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng bế tắc. Hướng thực hiện trước hết là phải sửa chữa các khuyết điểm trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nhất là đổi mới công tác kế hoạch hóa và cải tiến một cách cơ bản chính sách kinh tế làm cho sản xuất bung ra theo kế hoạch định hướng của Nhà nước. Hướng đổi mới công tác kế hoạch hóa là chống tập trung quan liêu, bao cấp bảo đảm quyền tự chủ về kinh tế của các ngành, các cấp, kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường, xóa bỏ những chính sách kinh tế đã lỗi thời, không còn phù hợp

với thực tế sản xuất và đời sống. Các chính sách mới phải kết hợp chặt chẽ ba lợi ích: lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của cá nhân người lao động, nhằm khuyến khích mọi người, mọi thành phần kinh tế hăng hái sản xuất, kinh doanh. Tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá sự đúng đắn của các chính sách là năng suất lao động tăng, sản xuất phát triển và đời sống nhân dân được cải thiện. Trong nỗ lực tìm kiếm hướng đi mới, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa IV, tháng 8-1979) là một tín hiệu đánh dấu bước mở đầu cho quá trình đổi mới ở nước ta. Tiếp đó, Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư (tháng 01-1981) về khoán sản phẩm đến người lao động; Quyết định số 25/CP và 26/CP của Chính phủ (tháng 01-1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và mở rộng hình thức khoán trả lương trong các đơn vị sản xuất công nghiệp và Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị (tháng 4-1988) về đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp... là sự tìm tòi đường lối đổi mới kinh tế của Đảng và Nhà nước.

Cùng với những tìm tòi đổi mới về kinh tế, Đảng và Nhà nước chủ trương sửa đổi mô hình tổ chức Nhà nước và tổ chức Chính phủ thông qua việc tích cực chuẩn bị cho sự ra đời của bản Hiến pháp năm 1980 và dự thảo nội dung văn kiện Đại hội Đảng lần thứ V nhằm xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước phù hợp với yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế như vậy, việc xây dựng một bộ máy nhà nước đủ hiệu lực; đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, trình độ và trong sạch là yêu cầu cấp bách của cách mạng. Nếu không kiên quyết đổi mới tổ chức bộ máy và cán bộ thì không một chủ trương chính sách nào có thể thực hiện được tốt; nếu không lập lại trật tự, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước thì không đủ sức mạnh để lập lại trật tự kỷ cương trong xã hội. Do đó, vấn đề đổi mới, nâng cao năng lực của bộ máy nhà nước và của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước là một trong những nhiệm vụ quan trọng cấp bách trong thời kỳ chuẩn bị xây dựng một Nhà nước thống nhất.

I- THÀNH LẬP BAN TỔ CHỨC CỦA CHÍNH PHỦ VÀ VIỆC ĐỔI TÊN BAN TỔ CHỨC CỦA CHÍNH PHỦ THÀNH BAN TỔ CHỨC-CÁN BỘ CỦA CHÍNH PHỦ

Ngày 26-02-1970, Hội đồng Chính phủ có Quyết định số 40/CP chuyển công tác tổ chức Nhà nước từ Bộ Nội vụ về Thủ tướng và do đồng chí Phó Thủ tướng thường trực phụ trách, Bộ Nội vụ lúc này chỉ thực hiện một số nhiệm vụ xã hội. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa V (tháng 6-1975), Quốc hội đã quyết định hợp nhất hai Bộ Công an và Bộ Nội vụ thành Bộ Nội vụ. Bộ mới tuy vẫn được gọi là Bộ Nội vụ nhưng lại chỉ làm nhiệm vụ cảnh sát, an ninh quốc gia và một nhiệm vụ của Bộ Nội vụ cũ là phòng cháy, chữa cháy. Các chức năng về công tác thương binh - xã hội do Bộ Thương binh - Xã hội đảm nhiệm. Công tác về Việt kiều, tôn giáo, đào tạo và bồi dưỡng viên chức, lưu trữ, văn thư, tổ chức được giao về một số cơ quan trực thuộc Chính phủ như Ban Việt kiều Trung ương, Ban Tôn giáo Trung ương, Trường Hành chính Trung ương, Cục Lưu trữ và Văn phòng Thủ tướng.

Trong hoàn cảnh mới, cần thiết phải có một cơ quan giúp Chính phủ thực hiện chức năng tham mưu, quản lý công tác tổ chức bộ máy hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Ngày 20-2-1973, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 29/CP *Về việc thành lập Ban Tổ chức của Chính phủ.*

Nghị định số 29/CP định rõ: thành lập Ban Tổ chức của Chính phủ để thực hiện nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ quản lý công tác tổ chức và cán bộ theo đường lối, chính sách của Đảng và luật lệ của Nhà nước nhằm xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan nhà nước.

Theo tinh thần của Nghị định số 29/CP, Ban Tổ chức của Chính phủ là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu của Thủ tướng Chính phủ, có những nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Nghiên cứu, xây dựng và kiện toàn bộ máy Nhà nước các ngành, các cấp nhằm quy định rõ nhiệm vụ, chức năng, hệ thống tổ chức, mối quan hệ (gồm có mối quan hệ với tổ chức Đảng và các đoàn thể nhân dân), tiêu chuẩn tổ chức và cán bộ, biên chế của các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, trình Chính phủ duyệt và phối hợp với các ngành, các cấp thực hiện.

- Quản lý chung công tác biên chế các cơ quan nhà nước.

- Quản lý công tác cán bộ các cơ quan nhà nước theo đúng đường lối, nguyên tắc, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước.

- Hướng dẫn việc tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp theo đúng luật lệ quy định: theo dõi tình hình hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

- Tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính quyền các cấp.

- Xây dựng chế độ thành lập và hoạt động của các Hội quần chúng trình Chính phủ ban hành; theo dõi tình hình hoạt động của các Hội quần chúng.

Sau đó, theo yêu cầu nhiệm vụ, Hội đồng Chính phủ đã lần lượt bổ sung và giao thêm một số nhiệm vụ cho Ban Tổ chức của Chính phủ cụ thể như là: Ngày 31-12-1973, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 275/TTg về việc thực hiện Bản Điều lệ về tổ chức và hành động của Hội đồng Chính phủ và Bản quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Trong đó, Ban Tổ chức của Chính phủ được giao là một thành viên giúp Hội đồng Chính phủ theo dõi và đôn đốc việc thi hành; Ngày 20-5-1974, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 124/QĐ-CP về việc điều động cán bộ ngoài diện Hội đồng Chính phủ bổ nhiệm và bãi nhiệm. Trong Quyết định có quy định rõ nhiệm vụ của Ban Tổ chức của Chính phủ là nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ra quyết định điều động những cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ khoa học - kỹ thuật... ngoài diện thuộc Hội đồng Chính phủ bổ nhiệm và bãi miễn; Nghị quyết số 245/CP ngày 05-11-1974 của Hội đồng Chính phủ về tinh giản biên chế bộ máy nhà nước, quản lý các ngành sản xuất kinh doanh, quản lý các xí nghiệp, sắp xếp và sử dụng hợp lý cán bộ, công nhân viên chức khu vực Nhà nước. Trong đó Ban Tổ chức của Chính phủ được phân công và giao là

thành viên của Tiểu ban Nghiên cứu phương án thực hiện việc tinh giản bộ máy hành chính Trung ương và địa phương, các chính sách và chế độ có liên quan đến việc tinh giản bộ máy và sắp xếp biên chế; Ngày 28-10-1975, Thủ tướng Chính phủ ra Thông tư số 335/TT-TTg quy định: Ban Tổ chức của Chính phủ phối hợp với một số cơ quan chức năng hướng dẫn việc thực hiện các chế độ đối với cán bộ cao cấp; Ngày 02-3-1978, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 45/QĐ-CP giao cho Ban Tổ chức của Chính phủ quản lý kế hoạch lao động tiền lương của các ngành không sản xuất vật chất; Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 36/CP ngày 02-02-1980 về việc thành lập Tiểu ban nghiên cứu xây dựng danh mục và tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức vụ viên chức Nhà nước. Trong Tiểu ban này, Trưởng Ban Tổ chức của Chính phủ đã được Hội đồng Chính phủ giao nhiệm vụ là Phó Tiểu ban; Ngày 27-8-1980, Thủ tướng Chính phủ ra Thông tư số 257/TTg hướng dẫn về quản lý biên chế các cơ quan nhà nước. Trong Thông tư này đã nói rõ nhiệm vụ của Ban Tổ chức của Chính phủ là tham mưu, theo dõi và tổng hợp tình hình báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ; Ngày 02-10-1980, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 316/QĐ-CP về việc thành lập Tiểu ban nghiên cứu sử dụng lực lượng lao động và xác định quỹ lương trong khu vực Nhà nước. Trong quyết định này, Ban Tổ chức của Chính phủ cũng là một thành viên và được Hội đồng Chính phủ giao cho nhiệm vụ theo dõi và thi hành; Ngày 19-02-1981, ủy ban Thường vụ Quốc hội có Nghị quyết thành lập Hội đồng bầu cử Trung ương và lãnh đạo Ban Tổ chức của Chính phủ được phân công là thành viên của Hội đồng; Ngày 08-02-1982, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị quyết số 16/HĐBT về việc tinh giản biên chế hành chính từ Trung ương đến địa phương. Trong Nghị quyết này, Hội đồng Bộ trưởng giao cho Ban Tổ chức của Chính phủ là thành viên thường trực giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng theo dõi việc thực hiện tinh giản biên chế; Ngày 04-8-1983, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 86/HĐBT về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân huyện. Trong Nghị định này, Ban Tổ chức của Chính phủ được Hội đồng Bộ trưởng giao nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện lên

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng...

Để thực hiện các nhiệm vụ do Đảng, Chính phủ giao, tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức của Chính phủ được kiện toàn lại cho phù hợp với yêu cầu thực tế. Theo tinh thần của Nghị định số 29/CP, cơ cấu của Ban Tổ chức của Chính phủ được tổ chức gồm 5 đơn vị: Văn phòng, Vụ Tổ chức, Vụ Biên chế, Vụ Chính quyền địa phương và Vụ Cán bộ. Lãnh đạo Ban lúc này có các đồng chí Phó trưởng ban: Trịnh Nguyên, Dương Văn Phúc, và Nguyễn Diêu. Trụ sở làm việc của Ban ở số 103, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội. Đến năm 1990 trụ sở được chuyển về số 37A, phố Nguyễn Bình Khiêm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vào thời kỳ này, biên chế của Ban Tổ chức của Chính phủ có 41 cán bộ, công chức. Đến năm 1979, đồng chí Vũ Trọng Kiên, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương được điều động về đảm nhiệm chức vụ Trưởng ban Ban Tổ chức của Chính phủ từ tháng 2-1979 và tiếp tục giữ chức Trưởng Ban Tổ chức của Chính phủ đến hết tháng 9-1988; các đồng chí Phó Trưởng ban là Trịnh Nguyên, Nguyễn Diêu và Dương Văn Phúc. Sau đó đồng chí Dương Văn Phúc được bổ nhiệm làm Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, thôi giữ chức vụ Phó Trưởng ban và đồng chí Nguyễn Diêu bị bệnh nặng và qua đời, lúc này lãnh đạo Ban chỉ còn có một đồng chí Phó Trưởng ban. Năm 1986, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định bổ nhiệm đồng chí Trần Công Tuynh, Phó Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Thái Bình giữ chức Phó Trưởng ban. Đến tháng 10-1988, sau khi đồng chí Vũ Trọng Kiên nghỉ hưu, đồng chí Trần Công Tuynh được giao quyền Trưởng Ban. Đến tháng 10-1989, đồng chí Phan Ngọc Tường, Bộ trưởng Bộ Xây dựng được ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định giữ chức vụ Bộ trưởng - Trưởng Ban Tổ chức của Chính phủ.

Đầu năm 1990, sau 4 năm tiến hành đổi mới do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng khởi xướng, trong lĩnh vực phát triển kinh tế đã bước đầu thu được những kết quả đáng khích lệ, tạo tiền đề cho các bước phát triển và đổi mới. Để thực hiện nhiệm vụ đổi mới tổ chức bộ máy và công tác cán bộ theo đường lối của Đảng, trong bối cảnh chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và xây dựng Hiến pháp mới (Hiến pháp năm 1992). Ngày 07-

5-1990, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành *Nghị định số 135/HĐBT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ*.

Theo Nghị định này, Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ có vị trí là cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng; có chức năng giúp Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo và quản lý về tổ chức và cán bộ thuộc các cơ quan hành chính Nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

Nghị định số 135/HĐBT quy định cụ thể nhiệm vụ của Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ như sau:

1. Xây dựng đề Hội đồng Bộ trưởng xem xét và trình Quốc hội, Hội đồng Nhà nước quyết định cơ cấu tổ chức Hội đồng Bộ trưởng và hệ thống tổ chức chính quyền các cấp, giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tổ chức thực hiện các quyết định ấy.

Dự thảo các dự án Luật, Pháp lệnh, các Nghị định, Quyết định... về lĩnh vực công tác tổ chức - cán bộ để Hội đồng Bộ trưởng trình Quốc hội, Hội đồng Nhà nước ban hành hoặc Hội đồng Bộ trưởng ban hành.

2. Xây dựng các quy chế về thành lập, sáp nhập, giải thể về tổ chức và hoạt động của các tổ chức thuộc hệ thống các cơ quan hành chính Nhà nước (các Bộ, ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, cơ quan chuyên môn giúp Bộ, ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý Nhà nước...) và các tổ chức sự nghiệp trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành hoặc được ủy quyền ban hành.

Chuẩn bị đề Hội đồng Bộ trưởng trình Quốc hội, Hội đồng Nhà nước quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng; trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

3. Xây dựng trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành các chức danh, tiêu chuẩn viên chức Nhà nước; được ủy quyền ban hành các chức danh và tiêu chuẩn viên chức đối với từng ngành, lĩnh vực.

Xây dựng trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành các quy chế về quản lý biên

chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp. Tổ chức và chỉ đạo việc quản lý biên chế thuộc cơ quan hành chính - sự nghiệp ở Trung ương và các địa phương.

4. Nghiên cứu đề Hội đồng Bộ trưởng trình Quốc hội, Hội đồng Nhà nước hoặc Hội đồng Bộ trưởng ban hành các quy định về thành lập các Hội quần chúng; trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép thành lập Hội quần chúng có tính chất xã hội và nghề nghiệp. Theo dõi hoạt động của các Hội theo pháp luật nhà nước.

5. Giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tổ chức chỉ đạo công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp theo Luật Bầu cử quy định.

6. Dự thảo trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định các nguyên tắc và tiêu chuẩn làm căn cứ phân vạch địa giới hành chính các cấp.

Chuẩn bị đề Hội đồng Bộ trưởng trình Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước quyết định việc phân vạch địa giới hành chính tỉnh và đơn vị hành chính tương đương hoặc đề Hội đồng Bộ trưởng quyết định việc phân vạch địa giới hành chính huyện và đơn vị hành chính tương đương.

7. Nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định các kế hoạch và quy chế về công tác cán bộ thuộc các cơ quan hành chính Nhà nước bao gồm: kế hoạch, mục tiêu, yêu cầu đào tạo, quy hoạch cán bộ, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, chuyển chuyển, phân cấp quản lý cán bộ.

Nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành các chính sách đối với cán bộ các cơ quan Nhà nước ở các cấp.

Giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng theo dõi, quản lý cán bộ và chuẩn bị đề Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định về công tác cán bộ (nhận xét, điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, nâng lương...) thuộc các chức danh do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quản lý.

8. Hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật và quy chế về công tác tổ chức-cán bộ.

Chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các Vụ Tổ chức cán bộ và Ban Tổ chức chính quyền các địa phương.

Nghị định quy định rõ: cơ cấu tổ chức và nhân sự của Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ. Lãnh đạo Ban do một Bộ trưởng (thành viên Hội đồng Bộ trưởng) làm Trưởng ban, giúp việc Trưởng ban có các Phó Trưởng ban. Ban làm việc theo chế độ Thủ trưởng và hoạt động theo quy chế như Bộ.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, cơ cấu tổ chức, bộ máy làm việc của Ban đã được kiện toàn một bước trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị cũ và thiết lập thêm một số đơn vị mới, tất cả gồm 9 đơn vị: Văn phòng Ban, Vụ Cán bộ, Vụ Viên chức, Vụ Tổ chức Chính quyền địa phương, Vụ Tổ chức, Vụ Tổng hợp-Pháp chế, Trung tâm Thông tin-Tư liệu, cơ quan thường trực miền Nam (tại thành phố Hồ Chí Minh) và cơ quan thường trực miền Trung và Tây Nguyên (tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa).

Thi hành Nghị định số 135/HĐBT Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ đã lần lượt ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các đơn vị trong Ban.

- Theo Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 27-10-1992 của Chính phủ, Ban được Chính phủ giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý Cục Lưu trữ Nhà nước.

Các quyết định quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và lề lối làm việc các đơn vị trong Ban đã tạo cơ sở pháp lý để cải tiến một bước về tổ chức và hoạt động của Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ, đáp ứng kịp thời với đòi hỏi của nhiệm vụ mới trong thời kỳ này.

Theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ trưởng-Trưởng ban giao, các tổ chức thuộc Ban xây dựng kế hoạch và tổng hợp nhu cầu nhân lực. Từ năm 1990, để thực hiện các nhiệm vụ được giao, việc tiếp nhận cán bộ, công chức bổ sung cho cơ quan được tăng cường và biên chế tăng thêm. Đa số cán bộ bổ sung về cơ quan được điều động từ các cơ quan Trung ương và địa phương. Năm 1991, Thủ tướng Chính phủ đã điều động, bổ nhiệm đồng chí Tô Từ Hạ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Năng lượng về giữ chức Phó Trưởng ban và năm 1992, Thủ tướng Chính phủ điều động, bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Khắc Thái, Vụ trưởng Vụ Cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương giữ chức Phó Trưởng ban. Đến năm 1992 số cán bộ của Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ là 85 người trong

đó có: 3 đồng chí lãnh đạo Ban, 16 cán bộ cấp Vụ, 40 cán bộ nghiên cứu và 26 nhân viên phục vụ.

Cùng với sự gia tăng về số lượng, chất lượng cán bộ, công chức của Ban đã từng bước được nâng lên, về trình độ, thâm niên và kinh nghiệm công tác. Đa số công chức đã trải qua sản xuất chiến đấu, qua thử thách gian khổ luôn thể hiện lòng trung thành với đất nước, với chế độ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, số người có trình độ đại học, trên đại học chiếm tỷ lệ cao trong cơ quan, một số có trình độ lý luận chính trị cao cấp, trung cấp. Một số công chức được bồi dưỡng thêm về kiến thức quản lý nhà nước, về ngoại ngữ và kiến thức tin học. Tinh thần trách nhiệm trong công tác có ý thức tổ chức kỷ luật, có nhiệt tình công tác, tích cực tự giác thực hiện tốt nhiệm vụ là những nét đặc trưng chung của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ.

Trong suốt giai đoạn từ năm 1972-1992, với chức năng, nhiệm vụ được giao, Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ sau là Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ đã tham mưu xây dựng chính sách, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện, thanh tra kiểm tra trên các lĩnh vực xây dựng thể chế, quản lý tổ chức bộ máy, công chức viên chức, chính quyền địa phương, địa giới hành chính, lưu trữ nhà nước và các lĩnh vực khác... cho Chính phủ, bước đầu làm việc theo nền nếp và trật tự của cơ quan quản lý tổ chức và nhân sự quốc gia.

Có thể nói, với chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Nghị định số 29/CP ngày 20-2-1973 của Hội đồng Chính phủ thì Ban Tổ chức của Chính phủ là cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ. Với những chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 135/HĐBT ngày 7-5-1990 thì Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng vừa có chức năng tham mưu, vừa có chức năng quản lý về lĩnh vực tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Điều đó chứng tỏ vai trò của Ban Tổ chức của Chính phủ và sau đó - Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ, trong hệ thống hành chính nhà nước ngày càng được củng cố và phát triển, tiến thêm những bước mới, phù hợp với nhiệm vụ theo từng giai đoạn lịch sử phát triển của đất nước.

II- XÂY DỰNG, KIẾN TOÀN BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Trong những năm 1973-1992, đặc biệt là từ sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Ban Tổ chức của Chính phủ đã góp sức vào việc: kiện toàn Nhà nước xã hội chủ nghĩa của cả nước, tăng cường hiệu lực của Nhà nước về mặt tổ chức và quản lý kinh tế, văn hóa và xã hội, nhanh chóng xây dựng và kiện toàn bộ máy chính quyền nhà nước ở miền Nam, tiếp tục hoàn thiện bộ máy chính quyền các cấp ở miền Bắc. Để hoàn thành nhiệm vụ cơ bản đó, Ban Tổ chức của Chính phủ tập trung vào các hoạt động cụ thể sau:

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, ngay sau khi mới thành lập, Ban Tổ chức của Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ từng bước sắp xếp lại bộ máy nhà nước thống nhất đáp ứng yêu cầu của thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ này, theo mô hình quản lý kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, để quản lý trực tiếp, toàn diện các hoạt động kinh tế - xã hội, cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ có rất nhiều Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ. Trong nhiệm kỳ Chính phủ 1971-1975, tổng số thành viên Chính phủ có tới 39 người. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ lúc này được tổ chức theo chuyên ngành hẹp. Chẳng hạn, trong thời kỳ này, Bộ Công nghiệp nặng được chia ra thành Bộ Điện và Than, Bộ Cơ khí và Luyện kim, Tổng cục Hóa chất; Bộ Nông nghiệp được chia thành Bộ Nông nghiệp, Bộ Lương thực thực phẩm, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Cao su; Bộ Thương nghiệp được chia thành Bộ Nội thương, Bộ Ngoại thương, Tổng cục Vật tư (sau thành Bộ Vật tư); Bộ Văn hóa chia thành Bộ Văn hóa và Bộ Thông tin; Bộ Y tế chia thành Bộ Y tế và ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em...

Để sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở cấp Trung ương, Ban Tổ chức của Chính phủ đã hướng dẫn các Bộ và Tổng cục thuộc khu vực quản lý kinh tế xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Bộ, ngành mình. Trong 2 năm (1973-1974), 25 Bộ và Tổng cục được Hội đồng Chính

phủ thông qua Điều lệ về tổ chức và hoạt động. Bên cạnh đó, Ban Tổ chức của Chính phủ cùng với Ban Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, đã xây dựng Điều lệ của Hội đồng Chính phủ và Bản Quy định quyền hạn, nhiệm vụ của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Ngoài ra, Ban đã cùng với một số Bộ quản lý ngành nghiên cứu trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ điều chỉnh một số nhiệm vụ quản lý sản xuất, kinh doanh theo ngành kinh tế - kỹ thuật trong các lĩnh vực cơ khí, hóa chất, xây dựng, thủy lợi... Ban Tổ chức của Chính phủ cũng nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ thông qua Đề án phân định lại chức năng, nhiệm vụ của một số Bộ, ngành nhằm sắp xếp, điều chỉnh một cách hợp lý hơn cơ cấu tổ chức một số cơ quan trên cơ sở sáp nhập hoặc giải thể một số tổ chức không còn phù hợp.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quyết định của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập một số tổ chức mới đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tham gia nghiên cứu, lập tờ trình và các quyết định thành lập Ban Quản lý xây dựng sông Đà, Cục Đo đạc và bản đồ Nhà nước, Viện Khoa học Việt Nam...

Trong phạm vi trách nhiệm được phân công, Ban Tổ chức của Chính phủ đã theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quyết định, điều lệ, đề án của Hội đồng Chính phủ; điều lệ của các Bộ, ngành, đặc biệt là việc thi hành Bản Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ; Bản Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Trong quá trình theo dõi các Bộ, ngành xây dựng điều lệ, Ban Tổ chức của Chính phủ đã kiến nghị chấn chỉnh, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của một số ngành kinh tế có vị trí quan trọng như: Bộ Cơ khí luyện kim, ủy ban Nông nghiệp, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng...

Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Ban Tổ chức của Chính phủ đã góp phần tích cực vào việc tham mưu, xây dựng phương án thống nhất đất nước về mặt tổ chức bộ máy hành chính nhà nước. Nhằm từng bước thống nhất cơ cấu tổ chức của các Bộ, ngành, Ban Tổ chức của Chính phủ đã triển khai nghiên cứu Đề án về cơ cấu tổ chức

bộ máy nhà nước ở Trung ương, mô hình khối Bộ, phân loại các Bộ, ngành và quy chế tổ chức các Vụ, Viện, Cục. Bên cạnh đó, Ban Tổ chức của Chính phủ giúp Hội đồng Chính phủ chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 155 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị định số 126/CP của Chính phủ về việc giải thể các Ban Đại diện của các Bộ, Tổng cục ở phía Nam, góp phần tích cực vào việc thống nhất bộ máy nhà nước. Bên cạnh đó, Ban đã xây dựng trình Hội đồng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 148/TTg về sắp xếp tổ chức của các Bộ, Tổng cục ở thành phố Hồ Chí Minh theo hướng thống nhất về mặt tổ chức trong cả nước sau khi giải thể các Ban Đại diện Bộ, Tổng cục ở miền Nam.

Để thống nhất các ngành kinh tế của đất nước, Nghị quyết Đại hội IV của Đảng chỉ rõ: ... tổ chức lại tất cả các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng ... trong cả nước theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ tình trạng phân tán, cục bộ.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, Ban Tổ chức của Chính phủ đã giúp Hội đồng Chính phủ hướng dẫn các Bộ thành lập những ngành sản xuất mới như: dầu khí, hải sản, vật liệu xây dựng, hàng không dân dụng, khí tượng thủy văn. Bên cạnh đó, Ban đã xây dựng trình Chính phủ và ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn Đề án thành lập các cơ quan: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước, Tổng cục Địa chất, Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh... Ngoài ra, Ban Tổ chức của Chính phủ còn nghiên cứu trình Chính phủ các văn bản thành lập các tổ chức: Khai hoang và phân vùng kinh tế mới, định canh, định cư, Ủy ban Phân vùng kinh tế Trung ương và địa phương, Ban Chỉ đạo quy hoạch Hà Nội...

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng và Phó Thủ tướng Chính phủ, Ban Tổ chức của Chính phủ còn nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành các quyết định thành lập các Liên hiệp xí nghiệp thuộc các Bộ: Lương thực và thực phẩm, Lâm nghiệp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Cơ khí và luyện kim... Đến năm 1979, Bộ Xây dựng đã hình thành các ngành kinh tế kỹ thuật và các liên hiệp sản xuất gồm 8 liên hiệp các xí nghiệp và 4 tổng công ty, Bộ Lâm nghiệp có 4 liên hiệp lâm - công nghiệp, Bộ Cơ khí và luyện kim có 1 liên hiệp các xí

ngiệp và 2 xí nghiệp liên hợp, Bộ Thủy lợi có 1 liên hiệp các xí nghiệp và 4 xí nghiệp liên hợp¹.

Các quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của các Bộ, ngành, các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước trong thời gian này đã góp phần tích cực vào việc xây dựng bộ máy nhà nước thống nhất, tạo sự chuyển biến bước đầu về cơ chế vận hành bộ máy hành chính nhà nước từ thời chiến sang thời bình, đưa đất nước bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đến tháng 3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội đã xác định những nhiệm vụ chủ yếu cho kế hoạch 5 năm (1981-1985) nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng những yêu cầu cấp bách và thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ những chỗ mất cân đối nghiêm trọng nhất của nền kinh tế, khắc phục một bước quan trọng tình hình không bình thường về phân phối lưu thông, tăng thêm tiền đề và điều kiện để tiến lên mạnh mẽ và vững chắc hơn trong những năm sau.

Về nhiệm vụ công tác tổ chức trong những năm 1981-1985, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng là: phải chấn chỉnh tổ chức bộ máy cho phù hợp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới, làm cho bộ máy khởi công kênh, nặng nề, chòng chẹo; khẩn trương giải quyết tốt việc phân cấp giữa Trung ương và địa phương, nêu cao chức năng của Hội đồng Bộ trưởng quản lý thống nhất nền kinh tế quốc dân; phát huy vai trò quan trọng của các Bộ tổng hợp cũng như các Bộ quản lý ngành; ra sức kiện toàn cấp huyện, tăng cường thích đáng cấp tỉnh và thành phố, chú ý xác định rõ vị trí của quận và phường, coi trọng nâng cao năng lực và hiệu quả công tác điều hành của các cấp quản lý, bảo đảm phát huy tốt các lực lượng, tập trung cho các nhiệm vụ chính, kiểm tra sát sao, thưởng phạt nghiêm minh. Điều quyết định thành công

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1979 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.2.

của việc đổi mới chế độ quản lý kinh tế là phải có sự chuyển biến về công tác cán bộ, đặc biệt phải bố trí đúng cán bộ ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh lớn, ở các địa phương, nhất là những địa phương thuộc địa bàn trọng điểm, ở các Bộ, ngành nhất là những ngành tổng hợp và những ngành kinh tế kỹ thuật then chốt hiện nay còn yếu. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V và chương trình công tác hàng năm của Hội đồng Bộ trưởng, trong những năm 1980, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tập trung vào việc thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước.

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Bộ trưởng vào đầu những năm 1980 vẫn còn số lượng lớn với nhiều Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng; chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành còn nhiều chỗ chưa phù hợp với tình hình và đặc điểm, yêu cầu và khả năng phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Bộ máy ở mỗi Bộ, ủy ban nhà nước và các cơ quan khác trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng cũng khá chồng chéo, chỉ tính riêng các cơ quan giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở mỗi Bộ cũng đã có hàng chục Vụ, Cục...; chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan chưa được quy định cụ thể phù hợp với đặc điểm của từng loại Bộ; chức năng của Bộ trưởng chưa được xác định rõ, việc phân công quản lý giữa các Bộ quản lý chuyên ngành, hoặc giữa Bộ tổng hợp với Bộ quản lý chuyên ngành cũng như việc phân cấp giữa các Bộ với địa phương có nhiều vấn đề chưa được giải quyết cụ thể.

Hiến pháp 1980 và Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng năm 1981 là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tổ chức lại bộ máy hành chính nhà nước. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Hội đồng Bộ trưởng là từng bước nâng cao năng lực quản lý và tổ chức điều hành của Hội đồng Bộ trưởng nhằm làm cho cơ cấu tổ chức của Hội đồng Bộ trưởng được phù hợp với tình hình, đặc điểm và khả năng phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Tuy nhiên, bộ máy quản lý nhà nước vẫn tiếp tục phình ra, cơ cấu Hội đồng Bộ trưởng năm 1981 đã có 66 đầu mối gồm các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, ủy ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng trong đó bao gồm: 26 Bộ, 7 ủy ban Nhà nước và 33 cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng và giúp việc Chủ tịch Hội đồng Bộ

trưởng¹.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, Ban Tổ chức của Chính phủ đã giúp Hội đồng Bộ trưởng trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc sắp xếp lại bộ máy các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện. Ban Tổ chức của Chính phủ đã nghiên cứu xây dựng đề án trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các Bộ như: Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Lao động và Thương binh xã hội, Bộ Năng lượng, Bộ Thông tin; sáp nhập Tổng cục Dạy nghề vào Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp; giải thể ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em đưa vào Bộ Giáo dục; giải thể ủy ban Dân tộc của Chính phủ và Ban Xây dựng huyện. Nhiều Bộ, ngành đã rà soát chức năng, nhiệm vụ, cải tiến tổ chức, sắp xếp, bố trí cán bộ, từng bước chuyển giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý sự nghiệp cho các đơn vị cơ sở, giảm bớt số người làm việc không đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước, giảm bớt các phòng trong Vụ, trong Sở nhằm bớt khâu trung gian trong quản lý, chuyển một số đơn vị sự nghiệp có thu sang hoạt động theo phương thức bán hạch toán kinh tế hoặc lấy thu bù chi. Đối với các Bộ quản lý ngành đã tiến hành từ việc sắp xếp lại các tổ chức sản xuất kinh doanh để bố trí lại bộ máy giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, đồng thời sắp xếp lại các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học, các trường. Đối với các Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học, các trường được tổ chức lại theo hướng: Bộ chỉ trực tiếp quản lý các Viện nghiên cứu cơ bản, Viện nghiên cứu đầu ngành, chuyên ngành và các trường đại học, cao đẳng, trường trung cấp có tính chất chuyên ngành còn giao lại cho các doanh nghiệp hoặc địa phương quản lý kể cả các trường đào tạo công nhân kỹ thuật. Đối với các Bộ thuộc khối công nghiệp đã được Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt theo tổ chức mới. Các cơ quan giúp việc Bộ trưởng thuộc khối này phần lớn chỉ còn Vụ Kế

1. Báo cáo công tác năm 1982 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 3.

hoạch-Kinh tế, Vụ Khoa học và Kỹ thuật, Vụ Tổ chức cán bộ - Lao động, Vụ Hợp tác quốc tế và Văn phòng. Các Vụ không có phòng, làm việc theo chế độ chuyên viên. Ngay cả cơ cấu tổ chức của Hội đồng Bộ trưởng cũng giảm, năm 1987 chỉ còn 28 Bộ và cơ quan ngang Bộ so với 33 Bộ và cơ quan ngang Bộ của năm 1981.

Tình hình tổ chức bộ máy của Hội đồng Bộ trưởng tuy đã qua nhiều lần chấn chỉnh nhưng vẫn ở tình trạng chồng chéo, trùng lặp, số lượng đông mà hiệu lực kém. Điểm nổi bật là chưa phân biệt rõ chức năng và phương thức quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước với chức năng và phương thức quản lý sản xuất, kinh doanh. Nhiều năm trước đây, do có sự nhầm lẫn giữa tính chất, phương thức hoạt động của các Bộ, ủy ban Nhà nước, các Tổng cục với ngành kinh tế - kỹ thuật và có quan niệm mỗi ngành kinh tế-kỹ thuật là cơ quan quản lý của Hội đồng Bộ trưởng nên đã hình thành quá nhiều Bộ, Tổng cục. Đến cuối năm 1989 vẫn còn trên 60 đầu mối của Hội đồng Bộ trưởng mà trong các cơ quan nói trên lại hình thành quá nhiều Tổng cục, Cục, Vụ, Phòng mà phần lớn là những tổ chức trung gian không cần thiết. Nhiều Tổng cục làm cả hai chức năng quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh, có Tổng cục mang chức năng, nhiệm vụ và tính chất hoạt động như một Bộ nhưng gọi là Tổng cục. Các ủy ban Nhà nước không hoạt động theo tính chất là ủy ban mà hoạt động như là một Bộ, có ủy ban đặt vị trí như là Bộ, thậm chí còn quan trọng hơn Bộ và là thành viên của Hội đồng Bộ trưởng dẫn tới có đến 37 thành viên Hội đồng Bộ trưởng và trên 30 cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng. Từ thực trạng trên, theo sự chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ đã trình phương án nhập Bộ để điều chỉnh lại cơ cấu của Hội đồng Bộ trưởng cho phù hợp với cơ chế quản lý mới và được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn trong Nghị quyết số 244/NQ-HĐNN ngày 31-3-1990. Để thực hiện Nghị quyết này, sau khi làm việc với một số Bộ, ngành và xin ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ đã ban hành Thông tư số 337/TCCP ngày 10-9-1990 để hướng dẫn sắp xếp lại một số cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, trong đó quy định chức năng, nhiệm

vụ quản lý nhà nước của các Sở Thương nghiệp, Sở Văn hóa-Thông tin và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải và Bưu điện, và thống nhất công tác quản lý kinh tế đối ngoại ở địa phương.

Về phương thức, lề lối làm việc: Nhằm từng bước nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Hội đồng Bộ trưởng và chính quyền địa phương các cấp, đồng thời để triển khai Nghị quyết Đại hội V của Đảng về kiện toàn Hội đồng Bộ trưởng, nâng cao năng lực của Hội đồng Bộ trưởng trong việc quản lý tập trung thống nhất nền kinh tế quốc dân, thường xuyên củng cố và kiện toàn chính quyền địa phương các cấp, Ban Tổ chức của Chính phủ đã nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết số 147/CP ngày 14-5-1980 về cải tiến một bước chế độ làm việc của Hội đồng Chính phủ và các ngành, các cấp nhằm bảo đảm quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, bảo đảm quản lý tập trung thống nhất, thực hiện nghiêm luật pháp nhà nước, xác định rõ mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Chính phủ và giữa các ngành, các cấp trên cơ sở dân chủ tập thể và tập trung thống nhất. Đi đôi với việc tiếp tục xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của Bộ trưởng, Hội đồng Chính phủ cần tăng cường hiệu lực lãnh đạo tập thể đối với những vấn đề quan trọng.

Theo Hiến pháp 1980, Chính phủ được mang tên gọi mới là Hội đồng Bộ trưởng. Trên cơ sở quy định về chế độ làm việc của Hội đồng Bộ trưởng và từ thực tế hoạt động, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tham mưu để Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 169/HĐBT ngày 29-12-1981 ban hành *Bản Điều lệ về chế độ làm việc và quan hệ công tác của Hội đồng Bộ trưởng*. Bản Điều lệ gồm 4 chương, 53 điều tập trung vào các nội dung về: chế độ làm việc của Hội đồng Bộ trưởng, chế độ lập chương trình công tác và chế độ hội nghị cũng như mối quan hệ công tác của Hội đồng Bộ trưởng.

Có thể nói, trong suốt những năm 1980, thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ V với phương hướng đổi mới công tác tổ chức, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tư vấn, tham mưu và giúp Hội đồng Bộ trưởng thực hiện công tác kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, tạo được những chuyển biến bước đầu và thu được những kết quả nhất định trong xây dựng, kiện toàn bộ

máy hành chính nhà nước, biểu hiện ở chỗ: Các Bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương đã chuyển biến một bước về nhận thức không chỉ ở số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý mà ngay cán bộ nghiệp vụ, công nhân viên nhà nước đều thấy việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương là cần thiết để phù hợp với cơ chế quản lý mới. Vào cuối những năm 1980, từ sự chuyển biến về tư tưởng, nhận thức và quan điểm nên các Bộ và các địa phương đã có ý thức tự giác và quyết tâm từng bước nâng dần hiệu lực quản lý nhà nước, bắt đầu từ việc thu gọn đầu mối, bỏ bớt cấp trung gian, sắp xếp lại cán bộ, định lại chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận với kết quả “giảm được 12 Bộ, ủy ban Nhà nước; giảm được các cơ quan giúp việc Bộ trưởng và ủy ban nhân dân các cấp xét ra hiệu quả thấp; xóa bỏ cấp phòng trong Vụ, trong Sở... chuyển sang làm việc theo chế độ chuyên viên như Bộ Năng lượng giảm được 62%, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm giảm được 60%, Bộ Công nghiệp nhẹ giảm 55%, ủy ban Kế hoạch Nhà nước giảm 55%, Bộ Xây dựng giảm 52,4%. Nếu như trước đây mỗi tỉnh có 34-36 Sở và ủy ban thì nay còn 22-25 Sở và ủy ban; mỗi huyện có 24-25 phòng ban nay còn 14-15 phòng ban; mỗi xã trước đây có 5-7 ban, trạm thì nay còn 3-5 ban, trạm. Một số tỉnh đã giảm đầu mối khá như: Quảng Nam-Đà Nẵng giảm được 55%, Bình Trị Thiên giảm được 53%, An Giang 48%, Lạng Sơn 48%...”¹.

Cuối năm 1989, các tổ chức mới sau khi được sắp xếp lại đã bước đầu phân biệt chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh, giảm bớt sự chồng chéo giữa các cơ quan với nhau, bớt được các công việc sự vụ, làm thay cấp dưới. Các tổ chức mới sau khi được kiện toàn đã đi vào hoạt động có nền nếp, ở những đơn vị được sắp xếp không gây ra những biến động lớn về mặt tư tưởng, đời sống của cán bộ công nhân viên và không ảnh hưởng đến sản xuất, công tác, có từng mặt tiến bộ hơn trước, góp phần tạo ra những chuyển biến mới

1. Báo cáo tổng kết của Ban Tổ chức của Chính phủ năm 1989, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 2.

trong nền kinh tế quốc dân.

Cho đến năm 1990, việc sắp xếp lại tổ chức đã thống nhất được các nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan với nhau mà trước đây do nhiều Bộ, Tổng cục phụ trách vào một Bộ quản lý nhà nước, tạo điều kiện cho các Bộ tập trung hơn vào các nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô đối với mọi thành phần kinh tế trong phạm vi cả nước. Việc sắp xếp lại tổ chức đã làm tinh gọn một bước bộ máy quản lý nhà nước “từ hơn 60 cơ quan thuộc Hội đồng Bộ trưởng xuống còn 48 cơ quan; các cơ quan giúp việc Bộ trưởng ở các Bộ thuộc diện sắp xếp đã giảm tới 1/2 – 2/3 tổ chức so với trước”². Cùng với việc điều chỉnh tổ chức các cơ quan nói trên thì một số ngành kinh tế-kỹ thuật và các đơn vị sản xuất, kinh doanh cũng được tổ chức lại, có điều kiện hợp tác hỗ trợ lẫn nhau, thúc đẩy sự phát triển chung của toàn ngành.

III- QUẢN LÝ BIÊN CHẾ, TIỀN LƯƠNG

Thực hiện nhiệm vụ được giao trong Nghị định số 29/CP ngày 20-2-1973 về công tác quản lý tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi tập thể trong khu vực nhà nước, đồng thời với tư cách là đơn vị quản lý kế hoạch lao động, tiền lương các ngành không sản xuất vật chất, trong thời gian này, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tích cực tham mưu cho Chính phủ ban hành những văn bản pháp quy về vấn đề biên chế, tiền lương trong khu vực nhà nước.

Ngay sau khi thành lập, Ban Tổ chức của Chính phủ bắt tay vào nghiên cứu, soạn thảo trình Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 245/NQ-CP ngày 5-11-1974 về tinh giản bộ máy quản lý nhà nước các ngành sản xuất kinh doanh, các xí nghiệp quốc doanh và sắp xếp, sử dụng hợp lý cán bộ, công nhân viên trong khu vực nhà nước. Tiếp đó, Ban Tổ chức của Chính phủ trình Chính

2. Báo cáo công tác năm 1990 của Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 2.

phủ ban hành Nghị quyết số 95-NQ/CP ngày 9-4-1977 về tinh giản biên chế. Đồng thời, để từng bước tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 95-NQ/CP của Hội đồng Chính phủ, Ban đã nghiên cứu, trình Hội đồng Chính phủ phê duyệt Đề án tinh giản biên chế các cơ quan hành chính sự nghiệp và xây dựng, trình Chính phủ xét duyệt chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp hàng năm.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về tinh giản biên chế, trong năm 1973, đã có 8.830 người từ khu vực hành chính sự nghiệp được chuyển sang khu vực sản xuất trực tiếp; đồng thời đã chuyển 2.710 người từ các ngành sự nghiệp sang ngành quản lý hành chính nhà nước¹.

Thi hành Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, Ban Tổ chức của Chính phủ cùng với các cơ quan tài chính, kế hoạch, thống kê, ngân hàng... đã giải quyết kịp thời các vướng mắc về lương bổng, chế độ đối với các đơn vị mới chuyển sang khu vực sản xuất và các đơn vị trước đây để ngoài kế hoạch, nay được đưa vào kế hoạch. Bên cạnh đó, Ban Tổ chức của Chính phủ cùng với các cơ quan liên quan cũng đã giải quyết một số tồn tại trong việc sắp xếp, bố trí lao động trên các lĩnh vực: hoàn chỉnh thủy nông, quản lý nông giang, bảo vệ đê điều, bảo vệ rừng, tăng cường cán bộ cho các xã, hợp tác xã, tăng biên chế cho công tác điều tra dân số, chuyển biên chế của các cơ quan đã giải thể như Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài, Hội Phổ biến khoa học.

Bước vào năm 1976, trên cơ sở các nghị quyết của Chính phủ về công tác biên chế, đồng thời căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ mới, Ban Tổ chức của Chính phủ đã xây dựng trình Chính phủ xét duyệt chỉ tiêu biên chế cho toàn khu vực hành chính sự nghiệp là 478.504 người, trong đó gồm cả khu vực quản lý nhà nước và khu vực sự nghiệp. Do yêu cầu của tình hình mới với việc thành lập Tổng Cục dầu khí, một số cơ quan hành chính nhà nước và hệ thống Tòa án, Viện Kiểm sát ở các tỉnh phía Nam cùng sự phát triển của các ngành: văn hóa,

1. Báo cáo hoạt động của Ban Tổ chức của Chính phủ năm 1973, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.5.

y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội và các tổ chức xã hội khác nên số biên chế tăng hơn chỉ tiêu được duyệt là 31.190 người, nâng tổng số biên chế lên 509.694 người.

Bên cạnh việc xây dựng trình Chính phủ phê duyệt chỉ tiêu biên chế để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong tình hình mới, trong năm 1976 Ban Tổ chức của Chính phủ đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng tiêu chuẩn biên chế cho các ngành sự nghiệp. Đối với ngành quản lý nhà nước, Ban Tổ chức của Chính phủ đã chuẩn bị dự thảo cơ cấu tổ chức bộ máy, và biên chế cho các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện trình Hội đồng Chính phủ ban hành.

Trong những năm 1977-1979, thực hiện chủ trương giảm biên chế 10% trong các cơ quan hành chính sự nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 95-NQ/CP, Ban Tổ chức của Chính phủ đã xây dựng trình Hội đồng Chính phủ ban hành chỉ tiêu biên chế hàng năm theo hướng tinh giản biên chế. Mặc dù gặp nhiều khó khăn như: đội ngũ cán bộ của Ban Tổ chức của Chính phủ và Ban Tổ chức Chính quyền các tỉnh còn thiếu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công tác còn yếu, song để thực hiện tốt chủ trương cải tiến công tác kế hoạch hoá lao động, tiền lương và tinh giản biên chế hành chính sự nghiệp, Ban Tổ chức của Chính phủ kịp thời ra các Thông tư hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý biên chế, tiền lương cho các ngành và các địa phương trong cả nước. Do có những biện pháp kịp thời nên việc quản lý biên chế và tiền lương khu vực không sản xuất vật chất đã chặt chẽ hơn, hạn chế dần việc tăng biên chế hành chính, góp phần điều chỉnh hợp lý hơn lực lượng lao động trong khu vực nhà nước, ưu tiên biên chế cho những ngành, những vùng trọng yếu như: Tòa án, Viện kiểm sát, thống kê, ... và các tỉnh biên giới, hải đảo...

Nhờ sự tích cực hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Tổ chức của Chính phủ và sự thực hiện nghiêm túc của các cấp, các ngành nên công tác tinh giản biên chế hành chính 10% theo tinh thần Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ bước đầu đạt được kết quả đáng khích lệ. Theo báo cáo chưa đầy đủ, biên chế khu vực không sản xuất vật chất năm 1977 thấp hơn chỉ tiêu được giao 19.840 người.

Trong đó, các ngành phục vụ công cộng giảm 2.257 người; các ngành giáo dục, văn hóa giảm 36.629 người; ngành quản lý nhà nước giảm 493 người. Năm 1978, biên chế khu vực không sản xuất vật chất thực hiện thấp hơn kế hoạch khoảng 10.810 người. Trong đó, các ngành phục vụ công cộng giảm 690 người; các ngành giáo dục, văn hóa giảm 7.500 người; các ngành y tế, bảo hiểm xã hội, thể dục thể thao giảm 910 người; ngành khoa học giảm 1.330 người¹... Trong 2 năm 1978 - 1979, tổng số biên chế giảm được khoảng 41.410 người. Trong đó, các ngành ở Trung ương giảm 4,8%, các địa phương giảm 25,5%. Riêng năm 1979, theo số liệu báo cáo của 25 Bộ, Tổng cục và địa phương, biên chế giảm 5.191 người².

Đi đôi với việc giảm biên chế, các ngành, các địa phương đã điều động cán bộ tăng cường cho huyện và cơ sở và điều động đi sản xuất. Có nơi giao chỉ tiêu tự túc 1 đến 2 tháng lương thực nhằm sử dụng hợp lý sức lao động trong cơ quan nhà nước. Để tạo cơ sở cho việc giảm biên chế, ngoài việc đề nghị Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 139-CP, Ban Tổ chức của Chính phủ đã nghiên cứu xây dựng các văn bản quy định về chế độ quản lý tổ chức và tiêu chuẩn biên chế của các cơ quan nhà nước ở cấp tỉnh, thành phố và Trung ương trình Chính phủ ban hành.

Đối với công tác định mức biên chế, Ban Tổ chức của Chính phủ nghiên cứu xây dựng trình Hội đồng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức biên chế bộ máy quản lý nhà nước của các ngành, các địa phương. Đến cuối năm 1979, đã bước đầu hạn chế được việc tăng biên chế hành chính trong các cơ quan nhà nước và giảm dần biên chế ở các ngành, các địa phương, việc kế hoạch hóa công tác biên chế dần dần được cải tiến, việc quản lý, sử dụng biên chế ở các ngành, các cấp ngày càng tiến bộ hơn.

1. Báo cáo tổng kết năm 1978 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.4.

2. Báo cáo tổng kết năm 1979 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.4.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được mới là những chuyển biến bước đầu, công tác quản lý biên chế, tiền lương mới đạt được về chỉ tiêu, chưa đi sâu vào nội dung và cơ cấu của từng tổ chức, việc giảm biên chế ở cơ quan chưa thực chất, còn mang nặng tính hình thức. *Mặt khác*, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ ngành tổ chức còn yếu, đặc biệt là các tỉnh phía Nam, nên đã dẫn đến sự lẫn lộn giữa quản lý hành chính với sự nghiệp, giữa quản lý nhà nước với sản xuất, kinh doanh, từ đó công tác kế hoạch hóa biên chế, tiền lương còn nhiều bất hợp lý chưa được giải quyết.

Những vấn đề cơ bản, có tính quyết định đến hiệu quả của công tác quản lý, kế hoạch hóa về lao động và tiền lương như các tiêu chuẩn, định mức... chưa được nghiên cứu và xây dựng thành những văn bản pháp quy của Hội đồng Chính phủ. Chế độ thông tin báo cáo, kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện ở các cơ quan, các ngành, các cấp chưa thực hiện tốt nên chưa xây dựng được nội dung, phương pháp tính toán các chỉ tiêu cụ thể để hướng dẫn các ngành, các địa phương trong việc xây dựng kế hoạch và quản lý biên chế, tiền lương.

Trong những năm 1977-1979 mặc dù tổng biên chế các năm đều giảm, song biên chế các ngành sự nghiệp như: y tế, văn hóa, xã hội lại tăng nhanh, chiếm trên 70% tổng số lao động các ngành không sản xuất vật chất. Trong đó công tác quản lý biên chế chưa có biện pháp cụ thể để hạn chế sự tăng biên chế và nâng cao hiệu quả quản lý. Biên chế gián tiếp ở khu vực sản xuất vật chất rất lớn, song chưa có một cơ quan nào đứng ra giúp Hội đồng Chính phủ thống nhất quản lý.

Để thi hành Nghị quyết số 32/NQ của Bộ Chính trị về công tác tổ chức, đặc biệt là nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Ban Tổ chức của Chính phủ nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị quyết số 16/HĐBT ngày 8-2-1982 về việc tinh giản biên chế hành chính từ Trung ương đến địa phương. Đây là một trong những Nghị quyết quan trọng nhằm cải tiến tổ chức, tinh giản biên chế hành chính góp phần nâng cao hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước. Mục đích của việc tinh giản biên chế hành chính là giảm bớt số người lao

động có thể giảm được, chủ yếu là trong các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan quản lý hành chính cấp trên của các đơn vị cơ sở nhằm nâng cao hiệu suất công tác, tiết kiệm lao động, tăng cường từng bước hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước.

Nhằm kiên quyết chấn chỉnh hệ thống tổ chức quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương theo hướng thu gọn bộ máy các Bộ và ủy ban nhân dân các cấp, bớt đầu mối và các tổ chức trung gian, giảm biên chế hành chính, Ban Tổ chức của Chính phủ tham mưu giúp Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 58/HĐBT ngày 13-6-1983 yêu cầu các ngành, các cấp tiến hành ngay việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của từng tổ chức thuộc ngành, cấp mình, đồng thời Thủ trưởng các cơ quan ở Trung ương và địa phương tiến hành việc xây dựng chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, viên chức đầy đủ của ngành, địa phương và cơ quan mình. Trên cơ sở đó để xây dựng định mức biên chế, quỹ tiền lương của ngành, cấp mình trình Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt.

Tiếp đó, ngày 29-12-1987, Ban Tổ chức của Chính phủ cũng đã giúp Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 227/HĐBT về việc sắp xếp lại tổ chức, tinh giản biên chế các cơ quan hành chính sự nghiệp. Theo đó, tổ chức bộ máy các Bộ, ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng phải được sắp xếp lại gọn, nhẹ trên cơ sở định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh, đổi mới phong cách làm việc. Ở địa phương, căn cứ vào đặc điểm kinh tế-xã hội của địa phương để có phương án sắp xếp lại tổ chức bộ máy của tỉnh, huyện và cấp tương đương.

Song song với việc rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, Ban Tổ chức của Chính phủ giúp Hội đồng Bộ trưởng trong công tác sắp xếp, bố trí cán bộ cho đúng với khả năng của từng người và yêu cầu nhiệm vụ công tác của từng cơ quan. Chuyển giao những việc có tính chất tác nghiệp thuộc phạm vi quản lý sản xuất, kinh doanh, sự nghiệp và những người làm việc không đúng chức năng quản lý hành chính nhà nước về các cơ sở. Đồng thời giảm bớt các đầu mối

trong cơ quan, đơn vị, các phòng ban trong Vụ, Viện, Sở để bớt khâu trung gian trong quản lý, chuyển một số đơn vị sự nghiệp có thu sang hoạt động theo phương thức hạch toán kinh tế hoặc lấy thu bù chi. Ngay từ đầu năm 1985, Thông tư hướng dẫn số 26/TCCP của Ban Tổ chức của Chính phủ đã có tác dụng sắp xếp lại lao động của một số ngành mà từ trước đến nay còn để ngoài kế hoạch hoặc sắp xếp chưa đúng theo phân ngành kinh tế. Việc làm này đã tạo điều kiện cho việc quản lý số lao động còn nằm ngoài kế hoạch từ trước đến nay được chặt chẽ hơn. Đối với các đơn vị sự nghiệp, cùng với các cơ quan có liên quan, Ban Tổ chức của Chính phủ đã hướng dẫn việc chuyển các đơn vị sự nghiệp sang hoạt động có thu và hoạt động theo phương thức hạch toán kinh tế. Nhiều đơn vị sự nghiệp chuyển sang hoạt động theo phương thức này bước đầu đã thu được kết quả.

Cùng với việc tinh giản biên chế, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tư vấn, hướng dẫn nhiều ngành, địa phương ban hành những chính sách để hạn chế việc tuyển dụng người vào khu vực nhà nước, nhất là ngăn ngừa việc tuyển dụng những người không có chuyên môn nghiệp vụ vào các cơ quan quản lý nhà nước, chủ yếu là điều chuyển nội bộ trong các ngành, các đơn vị từ nơi thừa sang nơi thiếu. Biên chế quản lý nhà nước mỗi năm giảm khoảng 10% so với biên chế trước khi kiện toàn, nhưng điều có ý nghĩa hơn là thay đổi dần chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, chọn được những cán bộ có kinh nghiệm, năng lực để giúp Bộ trưởng và ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của ngành và địa phương. Do đó, lao động vào khu vực nhà nước có chậm lại hoặc không tăng nhiều như các năm trước đây. Cơ cấu lao động giữa hai khu vực và một số ngành kinh tế bước đầu đã có sự thay đổi. “Tỷ lệ lao động ở khu vực sản xuất từ 65,9% năm 1985 đã tăng lên 67,1% năm 1988 và ngược lại lao động ở khu vực không sản xuất vật chất từ 34,1% năm 1985 giảm còn 32,9% năm 1988. Riêng ngành quản lý nhà nước đã giảm dần về số lượng và tỷ trọng: Nếu năm 1986 có 191.000 người chiếm 4,7% so với tổng số lao động trong khu vực nhà nước thì đến

năm 1989 có 165.559 người chiếm 4,2%”¹. Tuy có giảm được số lao động trong khu vực quản lý nhà nước nhưng nếu tính số chuyển sang sản xuất phụ, kinh doanh dịch vụ và đi hợp tác lao động thì thực chất số người giảm được là 20,9%; còn chủ yếu giải quyết chế độ cho về hưu, về mất sức. Do vậy ngân sách nhà nước vẫn phải chi trả, chưa đạt được mục tiêu giảm chi cho ngân sách, tăng thêm sản phẩm xã hội cho nên vẫn có tình trạng là cơ quan nào cũng vừa thừa và vừa thiếu cán bộ mà không thể nào điều chỉnh được từ chỗ thừa sang chỗ thiếu vì không phù hợp năng lực, địa phương, nghề nghiệp và sức khỏe. Đây là vấn đề quan trọng mà Ban Tổ chức của Chính phủ phải tiếp tục nghiên cứu và tham mưu cho Hội đồng Bộ trưởng thực hiện việc tinh giản biên chế một cách có hiệu quả nhưng vẫn phải đảm bảo yêu cầu phục vụ và quản lý tốt để góp phần vào việc giảm lạm phát trong nền kinh tế.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII về việc tinh giản biên chế hành chính sự nghiệp, Ban đã chủ trì xét duyệt kinh phí trợ cấp cho số người dôi ra ở các Bộ và các địa phương. Cùng với các Bộ có liên quan ra Thông tư hướng dẫn, bổ sung chính sách, chế độ đối với người thôi việc. Đến “tháng 12-1992, đã duyệt cho 53 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 20 cơ quan Trung ương với số người thôi việc là 81.681 người, kinh phí dự chi 107.246 triệu đồng; trong đó năm 1991 là 41.327 người, kinh phí 39.540 triệu đồng; năm 1992 là 40.354 người, kinh phí 67.706 triệu đồng. Số người thực tế dôi ra ngoài biên chế Nhà nước: 62.641 người, đạt 76,6% so với kế hoạch đã duyệt. Số người nghỉ hưu, mất sức và chuyển sang khu vực sản xuất, kinh doanh là 33.347 người”¹.

Song song với công tác tinh giản biên chế, công tác cải tiến tiền lương là

1. Báo cáo tổng kết năm 1989 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.3.

1. Báo cáo công tác năm 1992 của Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 3.

một yêu cầu cấp bách mà Quốc hội đã yêu cầu Chính phủ cần phải khẩn trương triển khai. Đây là một công việc phức tạp có liên quan đến nhiều Bộ và cũng là vấn đề tồn tại rất lâu. Việc tính toán tiền lương cũng có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng với nhiệm vụ được giao, Ban đã xây dựng thang bảng lương dân cử, thang bảng lương viên chức nhà nước. Tuy nhiên, việc trình Chính phủ ban hành thang bảng lương còn khó khăn vì nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: thu nhập quốc dân, nhịp độ tăng trưởng kinh tế của đất nước...

IV- XÂY DỰNG, KIẾN TOÀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Ngay sau khi thành lập, mặc dù lực lượng còn mỏng, trình độ, năng lực cán bộ của Ban Tổ chức của Chính phủ còn hạn chế, song Ban đã tập trung sức xây dựng, kiện toàn chính quyền địa phương các cấp trong điều kiện cả nước mới thống nhất trên các mặt chủ yếu: hướng dẫn, chỉ đạo bầu cử Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp; tách, nhập các đơn vị hành chính địa phương và xây dựng củng cố chính quyền địa phương.

1. Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Những năm 1973-1974, mặc dù trong điều kiện chiến tranh song Ban Tổ chức của Chính phủ đã tập trung nghiên cứu, xây dựng trình Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ ban hành một số văn bản có tính chất nguyên tắc để chỉ đạo công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính. Ngay sau khi hoàn thành cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp vào năm 1974, Ban Tổ chức của Chính phủ đã xây dựng trình Chính phủ ban hành hai bản Nội quy về hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính và dự thảo Đề án về cải tiến lề lối làm việc giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở địa phương. Nhằm quy định cụ thể vai trò của Chủ tịch và Thư ký Ủy ban hành chính tỉnh, Ban Tổ chức của Chính phủ nghiên cứu xây dựng văn bản hướng dẫn việc phân công công tác cho các thành viên Ủy ban hành chính. Bên cạnh đó, Ban Tổ chức của Chính phủ đã xây dựng dự thảo Đề án về vị trí, chức

năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính cấp thành phố, thị xã thuộc tỉnh, xin ý kiến các địa phương để hoàn chỉnh trình Hội đồng Chính phủ. Ngoài ra, Ban Tổ chức của Chính phủ còn nghiên cứu, soạn thảo trình Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 78/CP ngày 10-4-1974 về việc thành lập Ban đại diện hành chính tiểu khu, đồng thời chỉ đạo thành phố Hà Nội và thành phố Hải Phòng chia lại khối phố cho phù hợp với mục đích quản lý, lựa chọn cán bộ tiểu khu đáp ứng đúng tiêu chuẩn theo tinh thần Quyết định số 78/CP.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, để đảm bảo cho sự thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội thống nhất trong cả nước vào năm 1976, với trách nhiệm được Đảng và Nhà nước giao, Ban Tổ chức của Chính phủ đã góp phần tích cực, có hiệu quả vào việc hướng dẫn, tổ chức bầu cử ở các địa phương trong cả nước. Trên cơ sở Chỉ thị của Bộ Chính trị và Hội đồng Chính phủ về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1976, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tổ chức các Hội nghị tập huấn cho cán bộ bầu cử của các địa phương để triển khai cụ thể, có kết quả kế hoạch bầu cử. Bên cạnh đó, Ban Tổ chức của Chính phủ cùng với Tổng cục Thông tin đề ra kế hoạch và nội dung tuyên truyền cho cuộc bầu cử. Nhằm bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân trong cuộc bầu cử, Ban Tổ chức của Chính phủ đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện quy trình, quy chế bầu cử; cùng với các Bộ, ngành: Tài chính, Nội vụ, Văn hóa Thông tin và Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố chỉ đạo và tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội chung trên cả nước.

Đối với các tỉnh phía Nam, công tác bầu cử còn mới mẻ, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tích cực tham mưu, đồng thời nghiên cứu, dự thảo một số chính sách, tiêu chuẩn xác nhận quyền công dân và hướng dẫn việc lập danh sách cử tri cho mọi công dân ở vùng mới giải phóng. Bên cạnh đó, Ban Tổ chức của Chính phủ đã giúp Ban Chỉ đạo bầu cử đại biểu Quốc hội các tỉnh phía Nam tập huấn nghiệp vụ cho gần 1.000 cán bộ làm công tác bầu cử ở các tỉnh và các

đoàn thể quần chúng ở miền Nam.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội thống nhất đầu tiên trong cả nước được thực hiện tự do, dân chủ, đúng luật. Thông qua cuộc bầu cử đã phát huy được ý thức làm chủ của nhân dân, nhất là nhân dân các tỉnh phía Nam, đồng thời góp phần củng cố và xây dựng chính quyền địa phương các cấp, tăng cường tinh đoàn kết, thống nhất về chính trị và tinh thần trong nhân dân.

Từ năm 1977 trở đi, rút kinh nghiệm từ cuộc bầu cử năm 1976, Ban Tổ chức của Chính phủ đã nghiên cứu trình Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ sớm ra chỉ thị và các văn bản hướng dẫn về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Bên cạnh đó, Ban Tổ chức của Chính phủ còn tổ chức các hội nghị phổ biến các chủ trương, kế hoạch bầu cử cho các đồng chí lãnh đạo các tỉnh, thành phố và các trường, phó ban tổ chức chính quyền, ban bầu cử các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Tại các tỉnh phía Nam, trong những năm 1977-1979, do tình hình an ninh, chính trị phức tạp, cán bộ làm công tác bầu cử vừa thiếu vừa yếu... nên Ban Tổ chức của Chính phủ đã điều động hàng trăm cán bộ của các tỉnh phía Bắc cho các tỉnh phía Nam. Đồng thời Ban cũng mở các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác bầu cử cho hàng ngàn cán bộ từ cấp huyện trở lên. Tại các tỉnh đặc biệt phức tạp về an ninh chính trị do các thế lực thù địch phá hoại như: Đắc Lắc, Lâm Đồng, An Giang... Ban Tổ chức của Chính phủ đã chỉ đạo chặt chẽ các địa phương khắc phục mọi khó khăn, kiên quyết tiến hành bầu cử đúng ngày đúng luật.

Nhằm củng cố, xây dựng Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân huyện cho những năm 1980, Ban Tổ chức của Chính phủ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đã chỉ đạo hướng dẫn và tổ chức thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1979-1984. Trong nhiệm kỳ mới, thành phần ủy ban nhân dân huyện có nhiều đổi mới đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và bao gồm nhiều tầng lớp, lứa tuổi, đại diện cho nhiều lĩnh vực công tác. Trong đó, người làm công

tác khoa học - kỹ thuật khoảng 25%, đại biểu trực tiếp ở cơ sở khoảng 70%¹. Sự đổi mới bước đầu trong thành phần Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện trong những năm 1980.

Sau Hiến pháp mới (Hiến pháp năm 1980), Ban đã trực tiếp nghiên cứu sửa đổi Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo tinh thần Hiến pháp năm 1980; tổ chức thu thập và tổng hợp ý kiến của các cơ quan Trung ương, địa phương, các tổ chức đoàn thể và nhân dân trong cả nước góp ý vào hai đạo luật. Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi) được Quốc hội ban hành năm 1981 đã đáp ứng được yêu cầu phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong bầu cử và ứng cử; thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm cho công dân có điều kiện thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ trong việc tham gia xây dựng chính quyền. Luật mới đã quy định: Công dân có quyền tự ra ứng cử và quy định số người giới thiệu phải nhiều hơn số đại biểu được bầu và kéo dài nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân là 5 năm để Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân hoạt động ổn định, tích lũy được kinh nghiệm và tiết kiệm.

Trong “năm 1985, tiến hành bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương. Tổng số cử tri đi bỏ phiếu đạt 98,7%, tỉnh có số cử tri đi bỏ phiếu cao nhất là Lâm Đồng: 99,73%; Hà Tuyên là một tỉnh giáp biên giới đạt 96,3%. So với cuộc bầu cử cùng cấp vào năm 1981, thì cuộc bầu cử năm 1985 có số cử tri đi bỏ phiếu tăng 1,7%, tỷ lệ nữ tăng 6,11%. Đại biểu là những người trực tiếp sản xuất hoặc hoạt động ở cơ sở đạt 34%; đại biểu là người ngoài Đảng là 35,1% so với cuộc bầu cử năm 1981, tỷ lệ này tăng 11,07%. Đại biểu trẻ dưới 35 tuổi chiếm 30,93%, so với

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1979 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.4

cuộc bầu cử cùng cấp năm 1981 tăng 3,68%. Đại biểu là cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ trung cấp, đại học và trên đại học đạt 40,33%”¹.

Thông qua việc lãnh đạo bầu cử, Ban Tổ chức của Chính phủ đã góp phần trực tiếp vào việc củng cố, kiện toàn Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là ở các tỉnh phía Nam. Qua đó, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ và nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương và góp phần xây dựng chính quyền nhà nước vững mạnh trong điều kiện đất nước mới thống nhất.

2. Điều chỉnh địa giới hành chính

Cấp tỉnh là cấp được Trung ương giao nhiều quyền hạn, có thể thay mặt cho Trung ương giải quyết tại chỗ nhiều việc bức xúc về kinh tế, xã hội trên địa bàn. Cấp tỉnh cũng là cấp có khả năng trực tiếp gặp gỡ công dân, giải quyết các yêu cầu của dân chúng. Với phương châm tạo nên cho mỗi tỉnh một tiềm lực mạnh về dân số, địa lý, tài nguyên và trở thành một vùng có công nghiệp, nông nghiệp kết hợp. Từ đó, cần phải xây dựng tỉnh là một đơn vị kế hoạch (tự cân đối toàn diện); là một đơn vị ngân sách (tự chủ về tài chính); là một đơn vị thị trường (tự giải quyết được các cung cầu trên địa bàn). Sau đợt sáp nhập tỉnh năm 1976 từ 72 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xuống còn 38 tỉnh, thành phố, dẫn đến có nhiều tỉnh có địa giới hành chính quá rộng, dân chúng đi lại quá xa và gặp rất nhiều trở ngại, khó khăn như Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình, Bình Trị Thiên, Phú Khánh, Nghĩa Bình, Sông Bé, Đắk Lắk.

Trong 3 năm 1977-1979, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tham mưu cho Hội đồng Chính phủ ban hành một loạt các quyết định về hợp nhất và điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện thuộc các tỉnh: Phú Khánh, Sông Bé, An Giang,

1. Báo cáo tổng kết công tác năm 1985 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu Bộ Nội vụ, tr.5.

Hải Phòng, Hải Hưng, Bình Trị Thiên, Cửu Long... Riêng năm 1977, Ban Tổ chức của Chính phủ đã nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các quyết định sáp nhập 130 huyện thành 69 huyện¹ của các tỉnh, thành trong cả nước.

Có thể nói, thời kỳ của những năm 1980 là thời kỳ có sự thay đổi lớn về địa giới hành chính, nhất là việc sáp nhập các huyện theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, “tính đến cuối năm 1989, cả nước có 443 huyện, 20 quận, 12 thành phố thuộc tỉnh, 59 thị xã, 8.859 xã, 780 phường, 387 thị trấn thuộc 44 tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương”¹.

Đứng trước yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, vào cuối năm 1978, tháng 5-1979 và năm 1989, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tham mưu cho Hội đồng Bộ trưởng trình Quốc hội phê chuẩn chia tỉnh Cao Lạng thành Cao Bằng và Lạng Sơn; Đồng Nai thành tỉnh Đồng Nai và đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo, chia 3 tỉnh Phú Khánh, Nghĩa Bình và Bình Trị Thiên thành 7 tỉnh mới đó là: Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị và Quảng Bình, đưa tổng số lên 44 đơn vị hành chính cấp tỉnh. Năm 1990, theo sự chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ đã tiến hành sơ kết việc chia 3 tỉnh: Bình Trị Thiên, Nghĩa Bình và Phú Khánh thành 7 tỉnh để đánh giá thực chất kết quả đạt được và những tồn tại, trên cơ sở đó Ban đã trình Quốc hội khóa VII ra Nghị quyết điều chỉnh địa giới hành chính của 13 tỉnh, thành phố, chia tách 8 tỉnh cũ thành 16 tỉnh mới và thành lập tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trên cơ sở đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo trong kỳ họp thứ 9 (tháng 7-1991) và thứ 10 (tháng 12-1991).

1. Báo cáo tổng kết năm 1977 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.4.

1. Báo cáo tổng kết năm 1989 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 8.

2. Báo cáo công tác năm 1992 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.5.

Cũng trong năm này, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định điều chỉnh địa giới hành chính 6 huyện thuộc các tỉnh: Đồng Nai, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Trị và An Giang. Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ ra 27 quyết định điều chỉnh địa giới hành chính xã, phường, thị trấn. Cho đến “cuối tháng 12-1992 cả nước có: 53 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 19 quận; 13 thành phố thuộc tỉnh; 63 thị xã; 461 huyện; 429 thị trấn; 766 phường; 8.707 xã”². Việc điều chỉnh lại địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã đã đem lại một số kết quả tích cực, giúp cho chính quyền địa phương thêm điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, sự đi lại của dân đến nơi làm việc của chính quyền được nhanh hơn và thuận tiện hơn.

3. Xây dựng, củng cố bộ máy chính quyền địa phương các cấp

Trong các giai đoạn cách mạng, việc xây dựng và củng cố chính quyền địa phương được Đảng và Nhà nước rất quan tâm. Trong Nghị định số 29/CP ban hành ngày 20-2-1973 của Hội đồng Chính phủ, củng cố chính quyền địa phương cũng là một nhiệm vụ quan trọng mà Ban Tổ chức của Chính phủ được Đảng và Nhà nước giao phó. Với trách nhiệm của mình, Ban Tổ chức của Chính phủ đã từng bước thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong việc xây dựng các cấp chính quyền địa phương vững mạnh, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội chung trong cả nước.

Đối với bộ máy chính quyền địa phương, Ban Tổ chức của Chính phủ đã chú ý nhiều đến việc hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nghị quyết của Đảng và Chính phủ về củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương các cấp theo tinh thần đổi mới, bỏ dần một số khâu trung gian không cần thiết, giảm nhẹ biên chế góp phần bảo đảm từng bước nâng cao hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước.

Để đảm bảo sự quản lý thống nhất trong cả nước trong công tác xây dựng và củng cố chính quyền địa phương, Ban Tổ chức của Chính phủ đã nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành Thông tư số 355/TTg hướng dẫn việc bỏ

khu, hợp tỉnh và Chỉ thị số 280/TTg ngày 15-5-1978 về tăng cường hoạt động của Hội đồng nhân dân. Tiếp đó, Ban xây dựng trình Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 170/QĐ-CP ngày 20-4-1979 về chế độ công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương. Bản quy định được ban hành đã bảo đảm sự thống nhất trong việc phân công, phân nhiệm, thiết lập nguyên tắc cơ bản trong chỉ đạo, quản lý và trong quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Những văn bản pháp quy của Hội đồng Chính phủ đã ban hành trong thời gian này tạo cơ sở pháp lý để xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền các tỉnh thành phố trong cả nước. Trên cơ sở đó, phát huy vai trò và từng bước nâng cao chất lượng của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đảm bảo sự quản lý thống nhất, có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đến hết năm 1979, đã có hai phần ba số tỉnh và thành phố có Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ở nhiều địa phương được đẩy mạnh theo hướng vận dụng sáng tạo các chủ trương của Đảng và Nhà nước vào điều kiện thực tế của địa phương. Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có quyết định cụ thể về vấn đề người Hoa. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có các nghị quyết về phát động 4 phong trào cách mạng ở Thủ đô. Ủy ban nhân dân các tỉnh: Quảng Ninh, Hà Sơn Bình, Hà Bắc, Hậu Giang... có nhiều biện pháp tích cực để thi hành Quyết định số 170/CP của Hội đồng Chính phủ.

Nhằm tăng cường công tác xây dựng huyện, Ban Tổ chức của Chính phủ đã xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 277/TTg về kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 33/CP của Hội đồng Chính phủ về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, theo tinh thần xây dựng mỗi huyện là một pháo đài vững chắc về chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng theo yêu cầu:

- Huyện là một vùng nông nghiệp có công nghiệp kết hợp làm cho nông nghiệp phát triển.
- Huyện là một vùng địa bàn tự cân đối được sức lao động, vừa cung cấp

cho các nhu cầu của cả nước, của tỉnh, vừa thỏa mãn các nhu cầu trong huyện.

- Huyện là một cấp tự túc được về lương thực.
- Huyện là một pháo đài quân sự; cả nước sẽ có hơn 500 pháo đài.

Quán triệt yêu cầu đó, Ban Tổ chức của Chính phủ đã nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 139/QĐ-CP ngày 14-6-1978 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện. Thi hành Quyết định số 139/QĐ-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 15-6-1978. Ban Tổ chức của Chính phủ ra Thông tư số 109/TCCP hướng dẫn các địa phương thực hiện quyết định đó. Tiếp đó, ngày 25-7-1978, Ban Tổ chức của Chính phủ ra Thông tư số 167/TCCP về tiêu chuẩn phân loại cấp huyện.

Để đáp ứng yêu cầu phân cấp quản lý cho huyện, Ban Tổ chức của Chính phủ đã nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân huyện về mặt kế hoạch và ngân sách, tăng thêm số lượng của Ủy ban nhân dân huyện từ 7-11 ủy viên lên 11-15 ủy viên, bảo đảm cho Ủy ban nhân dân huyện có đủ quyền hạn và điều kiện thực hiện phân cấp quản lý.

Đến cuối tháng 12-1978, 20 tỉnh, thành phố đã thực hiện Quyết định số 139/CP ngày 14-6-1978 của Hội đồng Chính phủ. Một số tỉnh như: Hà Nam Ninh, Nghệ Tĩnh, Vĩnh Phú, Thái Bình, Hà Bắc, Hải Hưng... đã tiến hành sơ kết huyện điểm và nhân rộng ra toàn tỉnh. Ở Trung ương, các Bộ: Văn hóa Thông tin, Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục, Tài chính... ra Thông tư thi hành Quyết định số 139/CP ngày 14-6-1978 của Hội đồng Chính phủ về tổ chức các Ban ở huyện. Các huyện thuộc các tỉnh phía Nam thi hành Quyết định 139/CP chậm hơn các huyện ở các tỉnh phía Bắc, thậm chí có tỉnh chưa có kế hoạch triển khai.

Để từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện, một số Hội đồng nhân dân huyện bước đầu cải tiến nội dung hoạt động và đang chuyển dần từ chức năng “quyết định các chủ trương, biện pháp thực hiện nhiệm vụ và chỉ thị, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa trong huyện theo chỉ

tiêu, kế hoạch tinh giao sang chức năng “quyết định kế hoạch kinh tế và văn hóa của huyện”, đồng thời, chuyển từ chức năng “xét duyệt dự trù và quyết toán chi tiêu của cấp huyện” sang chức năng “xét duyệt dự toán và phê chuẩn quyết toán ngân sách của huyện”.

Cùng với một số cải tiến trong hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện, ủy ban nhân dân huyện cũng chuyển dần từ phương thức chỉ đạo và quản lý hành chính đơn thuần sang quản lý kinh tế và chỉ đạo sản xuất, kinh doanh.

Công tác kiện toàn chính quyền cơ sở (xã) bước đầu có chuyển biến. Ban Tổ chức của Chính phủ xây dựng các văn bản về kiện toàn chính quyền xã và chỉ đạo các tỉnh, thành phố thực hiện tốt công tác này. Đến hết năm 1978, các tỉnh: Hà Nam Ninh, Hà Tuyên, Nghĩa Bình đã tổng kết công tác sơ kết thí điểm xây dựng chính quyền xã giỏi; 14 tỉnh, thành phố quan tâm kiện toàn chính quyền xã.

Đối với các tỉnh phía Nam, để kịp thời kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tổ chức các đoàn cán bộ biệt phái vào giúp các tỉnh phía Nam. Riêng năm 1978, Ban Tổ chức của Chính phủ cử các đoàn cán bộ vào giúp 16 tỉnh phía Nam kiện toàn bộ máy, tổ chức, biên chế, xây dựng chính quyền địa phương. Nhờ sự cố gắng của các đoàn cán bộ và các tỉnh, thành phố phía Nam, bộ máy chính quyền các cấp và Ban Tổ chức chính quyền, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được kiện toàn một bước. Bên cạnh đó, Ban Tổ chức của Chính phủ hướng dẫn, giúp đỡ đẩy mạnh hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác tổ chức, biên chế, bầu cử... cho cán bộ các Ban Tổ chức chính quyền. Tuy còn nhiều khó khăn và mức độ đạt được của mỗi tỉnh có khác nhau song nhìn chung bộ máy các ngành ở tỉnh được đẩy lên một bước. Công tác tổ chức biên chế, xây dựng chính quyền đi dần vào nền nếp.

Sau khi Hội đồng Nhà nước ban hành quy chế hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Tổ chức của Chính phủ đã hướng dẫn các địa phương nghiên cứu, quán triệt và thực hiện quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp do Hội đồng Nhà nước ban hành. Ban Tổ chức chính

quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tổ chức thực hiện đúng quy chế ở địa phương mình. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp nhất là cấp tỉnh và huyện có sự chuyển biến tốt hơn. Hội đồng nhân dân thông qua các kỳ họp, căn cứ vào chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đã thực hiện chức năng quyết định các vấn đề quan trọng ở địa phương, trên cơ sở phát huy tiềm năng của địa phương, xây dựng địa phương về các mặt chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân địa phương và làm tròn nghĩa vụ của địa phương với Nhà nước. Trong khi đó, hoạt động của ủy ban nhân dân tiếp tục đi vào nền nếp, bảo đảm nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và giữ mối quan hệ giữa ủy ban nhân dân với Hội đồng nhân dân, với các cơ quan cấp trên và với các đoàn thể.

Để tăng cường xây dựng cấp huyện và cấp cơ sở, Ban Tổ chức của Chính phủ nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 110/HĐBT ngày 13-10-1981 về tăng cường cán bộ cho cấp huyện và cơ sở với nhiệm vụ phải đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế, văn hóa, tăng cường chính trị, an ninh, quốc phòng... ở từng vùng khác nhau. Đồng thời Ban Tổ chức của Chính phủ cũng tham mưu cho Hội đồng Bộ trưởng có những chính sách, chế độ đối với cán bộ được điều động về tăng cường cho huyện và cơ sở để tạo điều kiện cho cán bộ khắc phục một phần khó khăn trong cuộc sống và yên tâm công tác. Trong thời gian này, Ban cũng đã hướng dẫn, tham mưu cho Ban Tổ chức chính quyền các tỉnh như: Vĩnh Phú, Hà Nam Ninh, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Thái Bình, Hải Phòng... giúp ủy ban nhân dân đề ra nhiều biện pháp và kế hoạch cụ thể phát động phong trào xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh và đã sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Sau khoán 10, tình hình nông thôn đã và đang phát triển, kinh tế có chiều hướng đi lên. Để tạo điều kiện cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa bàn dân cư xã phù hợp với tinh thần đổi mới, được sự tư vấn và giúp đỡ của Ban Tổ chức của Chính phủ, một số tỉnh như Hà Bắc, Hà Nam Ninh, Hải Phòng, Vĩnh Phú... đã chỉ đạo thí điểm khôi phục lại chức danh trưởng thôn, trưởng bản, trưởng ấp và cho đây là một yêu cầu khách quan để giải quyết công

việc cụ thể ở thôn, ấp mà chính quyền xã chưa tới hoặc giải quyết không kịp thời, đồng thời cũng để phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh ngay từ cơ sở.

Do nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của chính quyền cấp cơ sở nên hầu hết các địa phương đều chú ý kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động và xây dựng chính sách, chế độ đãi ngộ đối với chính quyền cơ sở, đặc biệt là chính quyền cơ sở vùng trung du, vùng núi và biên giới. Nhìn chung, chính quyền cơ sở đã có nhiều tiến bộ, đã tổ chức thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện do Đảng đề ra có kết quả. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, mặc dù thiên tai xảy ra ở nhiều nơi nhưng sản lượng lương thực vẫn tăng cao, đời sống mọi mặt ở thành phố và nông thôn có sự khởi sắc, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt về nhiều mặt. Nhiều tỉnh, nhiều huyện đã sơ kết để tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố chính quyền cơ sở tiến lên hơn nữa. Do vậy, đã giải quyết được nhiều cơ sở yếu kém như “Lai Châu chỉ có 15 xã kém trên tổng số 152 xã, phường; Sơn La là 30/291 xã, phường; Quảng Ngãi là 12/160 xã, phường; Long An là 33/163 xã, phường...”¹. Tuy nhiên, chính quyền cơ sở vẫn còn những mặt yếu: nhiều nơi chưa nắm vững luật pháp, chưa nắm được chức năng, nhiệm vụ, chưa thực sự sát dân, gây phiền hà, thiếu tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân. Để khắc phục tình trạng trên, Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ đã tham mưu, tư vấn cho các cấp chính quyền địa phương tổ chức lại chức vụ trưởng thôn, trưởng xóm, trưởng bản, trưởng ấp để thay mặt chính quyền xã phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách đến người dân và giải quyết những mâu thuẫn, xích mích trong nội bộ nhân dân ngay từ khi mới nảy sinh, đã có tác dụng tốt.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Tổ chức của Chính phủ đã nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 130/CP ngày 20-6-1975 bổ sung chính sách, chế độ đối với cán bộ xã. Tiếp đó, Ban ra Thông tư số 45/TCCP hướng dẫn các địa phương thi hành quyết định đó, đồng thời nghiên cứu trình Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ra Thông tư số 196/TTg, ngày 8-9-

1. Báo cáo tổng kết năm 1990 của Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.11.

1977 bổ sung chính sách, chế độ đối với cán bộ xã ở các tỉnh, thành phố phía Nam. Cho đến năm 1992, vấn đề chính sách đối với cán bộ xã, phường đã được Ban xây dựng và trình Hội đồng Bộ trưởng. Tuy nhiên, đây là vấn đề phức tạp và có nhiều thay đổi, gắn chặt với nhiệm vụ của Ban cho tới những năm sau này.

V- XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC

Công tác cán bộ luôn được Đảng và Nhà nước coi là một trong những vấn đề có tầm quan trọng quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, bước vào đầu những năm 1970 khi cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất giành được những thắng lợi quyết định, để xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới, ngày 20-2-1973, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 225/ NQ-TW về công tác cán bộ trong giai đoạn mới. Bộ Chính trị nhấn mạnh: “Công tác cán bộ phải gắn liền với việc chấn chỉnh và kiện toàn tổ chức. Phải trên cơ sở xây dựng tổ chức, phát huy sức mạnh của tổ chức mà làm tốt công tác cán bộ”¹ và “Mọi công việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ đều phải xuất phát từ yêu cầu bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể của tổ chức”². Bộ Chính trị cũng chỉ rõ: “Cần nghiên cứu, bổ sung các chính sách cụ thể đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ về hưu, cán bộ nữ, cán bộ xã, cán bộ công tác ở vùng dân tộc ít người”³.

Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ban Tổ chức của Chính phủ nghiên cứu xây dựng một số chế độ, chính sách đối với cán bộ khi bỏ khu, hợp tỉnh; cán bộ y tế xã; cán bộ giáo viên được điều động tăng cường cho các tỉnh phía Nam hoặc đi miền núi và xuống cơ sở. Bên cạnh đó, Ban Tổ chức của Chính phủ còn trực tiếp nghiên cứu, xây dựng đề án về việc phân công, phân cấp cán bộ giữa cơ quan Trung ương và địa phương, đề án về tiêu chuẩn cán bộ để phục

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác cán bộ trong giai đoạn mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội 1973, tr.13.

2, 3. *Sđd*, tr.14.

vụ việc cải tiến chế độ tiền lương... Nhưng do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Chính phủ mới ban hành một số chính sách, chế độ cấp thiết như: chế độ đối với cán bộ hợp tác xã được điều động vào giúp các tỉnh phía Nam, chính sách đối với cán bộ biên giới và bổ sung một số chính sách, chế độ đối với những người hưu trí và mất sức lao động, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ hoạt động trước cách mạng công tác ở xã. Những chính sách được Chính phủ ban hành đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết khó khăn và ổn định tư tưởng cho cán bộ, công nhân viên chức những nơi khó khăn, những vùng trọng yếu, đồng thời góp phần vào việc điều chỉnh lao động và giảm biên chế.

Sau ngày thống nhất đất nước, một trong những nhiệm vụ mà Ban Tổ chức của Chính phủ quan tâm là việc điều động cán bộ cho các tỉnh, thành phố phía Nam. Ban đã nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về công tác điều động cán bộ cho các tỉnh phía Nam. Năm 1976, Ban Tổ chức của Chính phủ cùng với ủy ban Thống nhất của Chính phủ điều động gấp cho thành phố Hồ Chí Minh 964 cán bộ từ các ngành và các địa phương ở phía Bắc¹. Sang năm 1977, Ban Tổ chức của Chính phủ phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức Trung ương đôn đốc các cơ quan Trung ương và các địa phương điều động 35.163 cán bộ cho các tỉnh phía Nam². Năm 1978, Ban Tổ chức của Chính phủ phối hợp với các địa phương điều động trên 40 cán bộ của các Ban Tổ chức chính quyền các tỉnh phía Bắc³ biệt phái vào giúp các tỉnh phía Nam kiện toàn bộ máy quản lý, kiện toàn chính quyền địa phương về nghiệp vụ công tác tổ chức, biên chế, tiền lương và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ các Ban Tổ chức chính quyền các tỉnh, thành phố. Trong năm 1979, sau khi các thế lực phản động xâm lược các tỉnh biên giới, Ban Tổ chức của Chính phủ đã cử cán bộ đi

1. Báo cáo tổng kết năm 1976 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.7.

2. Báo cáo tổng kết năm 1977 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.8.

3. Báo cáo tổng kết năm 1978 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.10.

nghiên cứu thực tế và làm việc với các cơ quan hữu quan để kịp thời rút kinh nghiệm về việc điều động cán bộ cho các huyện biên giới.

Theo Chỉ thị của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ, cuối những năm 1970, Ban Tổ chức của Chính phủ cùng với Ban Tổ chức Trung ương đã rà soát tình hình đội ngũ cán bộ các cấp, đặc biệt là cấp huyện để xây dựng kế hoạch tăng cường cán bộ cho cấp huyện (Ủy ban nhân dân, các ban chuyên môn, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các cơ sở sự nghiệp do huyện quản lý).

Trong những năm 1973-1979, việc làm thủ tục điều động, bổ nhiệm, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc diện Trung ương và Chính phủ quản lý được giải quyết tương đối kịp thời, ít sai sót. Trong năm 1977, Ban Tổ chức của Chính phủ làm thủ tục cho 377 trường hợp¹. Năm 1978, Ban làm thủ tục cho 235 trường hợp, trong đó: bổ nhiệm 148, cho nghỉ hưu 42, chuyển ngành 20, điều động 18²...

Ban Tổ chức của Chính phủ đã xây dựng trình Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 117/HĐBT ngày 15-7-1982 *ban hành Bản Danh mục số 1 các chức vụ viên chức nhà nước*, làm cơ sở cho việc xây dựng chức danh, tiêu chuẩn, nghiệp vụ và chức vụ viên chức nhà nước, làm căn cứ để xây dựng biên chế hợp lý các cơ quan, xí nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, tuyển chọn cán bộ, xác định các chế độ tiền lương và phụ cấp. Đồng thời để tiếp tục hoàn thành việc xây dựng chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức, Ban Tổ chức của Chính phủ đã tham mưu để Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 124/CT ngày 7-11-1983 *về đẩy mạnh công tác xây dựng chức danh đầy đủ và tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức nhà nước*. Trên cơ sở xây dựng chức danh tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức nhà nước, việc coi trọng chất lượng đội ngũ cán bộ đã được quán triệt ở nhiều cơ quan Trung ương. Các Bộ, Tổng cục đã thấy rõ hơn những mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ cán bộ để cần được phát huy hoặc bổ khuyết. Nhiều cán bộ đã được đưa đi đào tạo, bồi dưỡng thêm những nghiệp vụ

1, 2. Báo cáo tổng kết năm 1979 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr.6, 8.

cần thiết nhất là về quản lý hành chính nhà nước và quản lý kinh tế; đồng thời những cán bộ có kiến thức, có năng lực công tác, hiểu biết quản lý cũng được điều về bổ sung cho các cơ quan giúp việc lãnh đạo.

Ngoài việc tham gia nghiên cứu hướng dẫn chung, Ban Tổ chức của Chính phủ còn được phân công nghiên cứu hướng dẫn xây dựng chức danh tiêu chuẩn của chính các Vụ Tổ chức cán bộ các Bộ và Ban Tổ chức chính quyền các tỉnh. Tính đến thời điểm năm 1985 “đã có trên 60 Bộ, ngành đã và đang tiến hành xây dựng chức danh tiêu chuẩn của Vụ Tổ chức cán bộ trong đó có 20 Bộ đã hoàn thành xong dự thảo. Có 25/40 tỉnh, thành, đặc khu đã tham gia ý kiến về tiêu chuẩn nghiệp vụ các chức danh do Ban Tổ chức của Chính phủ gửi đến, trong đó có 25 Ban Tổ chức chính quyền đã có phương án sắp xếp cán bộ từ Trưởng, Phó Ban đến cán sự”¹.

Việc xây dựng chức danh tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức được lãnh đạo các Bộ, ngành quan tâm, theo số liệu thống kê năm 1987 có một số Bộ, ngành làm khá và đạt kết quả như: Bộ Văn hóa, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Bộ Y tế, Tổng cục Quản lý ruộng đất, Cục Lưu trữ Nhà nước, ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khoa học Việt Nam... Có 5 Bộ, ngành đã ban hành tiêu chuẩn và tổ chức ứng dụng thí điểm sắp xếp cán bộ theo chức danh tiêu chuẩn (tuy mới ở bước dự kiến) như Viện Khoa học Việt Nam, Tổng cục Bưu điện, Bộ Văn hóa, Bộ Y tế, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Ngoài những kết quả đã đạt được, Tiểu ban chức danh tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức nhà nước đã tiến hành việc dự thảo 4 tiêu chuẩn mẫu theo 4 hệ chức danh chính như: Tiêu chuẩn kỹ sư các cấp và kỹ thuật viên trong hệ kỹ thuật; tiêu chuẩn chuyên viên các cấp và cán sự trong hệ quản lý; tiêu chuẩn nghiên cứu viên các cấp trong hệ nghiên cứu; tiêu chuẩn giảng viên các cấp trong hệ giảng dạy. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song kết quả đạt được của công tác xây dựng chức danh tiêu chuẩn còn chậm, chưa đáp

1. Báo cáo tổng kết năm 1985 của Ban Tổ chức của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr .14.

ứng được yêu cầu đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả của mỗi cán bộ viên chức góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước các cấp.

Để tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước đáp ứng yêu cầu mới, Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ đã bắt tay vào việc soạn thảo, trình Hội đồng Chính phủ ban hành một văn bản pháp lý quan trọng trong lĩnh vực cải cách công vụ: đó là Nghị định số 169/NĐ-HĐBT ngày 25-5-1991 quy định về công chức nhà nước. Nghị định đã đưa ra khái niệm cụ thể về công chức đó là: “Công dân Việt Nam được tuyển dụng và bổ nhiệm giữ một chức vụ thường xuyên trong một công sở nhà nước ở Trung ương hay địa phương, ở trong nước hay ngoài nước đã được xếp vào một ngạch, hưởng lương do ngân sách nhà nước cấp, gọi là công chức nhà nước”. Những người làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước ở Trung ương hay ở địa phương và làm việc trong các đại sứ quán, lãnh sự quán ở nước ngoài hoặc ở toà án, viện kiểm sát; những người được tuyển dụng và bổ nhiệm giữ một công vụ thường xuyên trong bộ máy Văn phòng Quốc hội, Chủ tịch nước, Hội đồng nhân dân các cấp đều thuộc phạm vi công chức nhà nước.

Những đối tượng không thuộc phạm vi công chức là những người giữ chức vụ trong các hệ thống lập pháp, tư pháp được Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân các cấp bầu ra hoặc cử ra theo nhiệm kỳ và những hạ sĩ quan, sĩ quan tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ đội biên phòng và những người làm việc trong các cơ quan sự nghiệp.

Thực hiện Nghị định này, đội ngũ công chức nhà nước đã tách ra từ cán bộ, công nhân viên chức nhà nước nói chung. Đây là một bước tiến mới về quản lý đội ngũ và xây dựng lực lượng công chức chức nghiệp trong Nhà nước pháp quyền, khẳng định rõ chức năng, nhiệm vụ cụ thể của công chức nhà nước.

Ban Tổ chức - Cán bộ của Chính phủ cũng đã trình Chính phủ đề án sắp xếp tổ chức biên chế hành chính sự nghiệp và được Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị quyết số 109/HĐBT ngày 12-4-1991 về một số chính sách trong việc sắp

xếp biên chế; Nghị quyết nêu rõ:

- Những công chức tiếp tục làm việc trong biên chế hành chính được bố trí vào ngạch bậc cho phù hợp với trình độ, năng lực cụ thể từng người.

- Những người không đủ năng lực làm việc được chuyển đến các cơ quan khác, khi chuyển đi được hưởng một số ưu đãi nhất định.

- Cơ quan hành chính sự nghiệp khi tuyển chọn người mới phải theo đúng quy chế thi tuyển. Việc chuyển ngạch, chuyển bậc phải qua đánh giá trình độ năng lực theo yêu cầu tiêu chuẩn của từng ngạch.

Quyết định trên mở đầu cho chế độ lựa chọn sắp xếp và tuyển dụng công chức theo quy chế thi tuyển, là một bước để tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển công chức sau này.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về công tác cán bộ, đầu những năm 1980, Ban Tổ chức của Chính phủ đã bàn bạc, trao đổi với các Bộ, ngành và địa phương để điều động, tăng cường cán bộ mà hầu hết là cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ cho các vùng trọng điểm như các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và các tỉnh biên giới phía Bắc nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cho các địa phương đó bắt kịp với đà tiến triển của đất nước.

Để từng bước nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chính quyền các cấp, Ban Tổ chức của Chính phủ nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 280/TTg, ngày 19-6-1976 về việc lập lại Trường Hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bên cạnh đó, Ban xây dựng, trình Hội đồng Chính phủ ban hành quyết định thành lập phân hiệu Trường Hành chính Trung ương tại thành phố Hồ Chí Minh. Khóa thí điểm đầu tiên đào tạo cán bộ chính quyền cấp huyện và cán bộ giảng dạy các Trường Hành chính các tỉnh phía Nam chiêu sinh năm 1976 với 164 cán bộ. Để xây dựng chương trình giảng dạy của Trường Hành chính Trung ương, trong thời gian đầu được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, Trường đã mời một số chuyên gia Liên Xô sang trực tiếp giảng dạy cho một số khóa học đầu tiên.

Đến hết năm 1979, trừ thành phố Hà Nội, còn hầu hết các tỉnh đều lập lại Trường Hành chính. Đa số các trường đều trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, tại một số tỉnh, Trường Hành chính trực thuộc Ban Tổ chức chính quyền. Mặc dù vậy, Ban Tổ chức chính quyền vẫn có trách nhiệm lớn về tổ chức và nội dung giảng dạy.

Hàng năm, đội ngũ cán bộ các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành được tập huấn tại Trường Hành chính Trung ương, sau đổi thành Trường Hành chính - Quản lý Trung ương. Các phân hiệu Trường Hành chính Trung ương mở các khóa đào tạo cho cán bộ Ủy ban nhân dân huyện, Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện và cấp tương đương. Các Trường Hành chính tỉnh mở nhiều lớp huấn luyện cho cán bộ xã, phường, tiểu khu, thị trấn. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ cấp cơ sở đến cấp cao đã góp phần làm cho cán bộ các cấp nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước. Qua đó, nâng cao trình độ kiến thức mọi mặt, đặc biệt là kiến thức về công tác quản lý nhà nước, về xây dựng và hoạt động của chính quyền, về quản lý kinh tế và sản xuất, kinh doanh, về luật pháp...

Để nâng cao trình độ của cán bộ, nhất là cán bộ quản lý, Ban Tổ chức của Chính phủ tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 39/CT ngày 23-1-1985 giao cho Trường Hành chính tỉnh, thành phố bồi dưỡng các ủy viên ủy ban nhân dân quận, huyện. Đồng thời Ban cũng mở các lớp đào tạo cho cán bộ làm công tác tổ chức của các Vụ Tổ chức cán bộ và Ban Tổ chức chính quyền của tỉnh, thành phố; theo dõi, hướng dẫn, nắm bắt tình hình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về việc kiện toàn và nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước, Ban Tổ chức của Chính phủ rất quan tâm đến công tác bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước.

Có thể nói, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên sâu và tinh thông nghiệp vụ là một vấn đề rất quan trọng, nhưng cũng vô cùng phức tạp. Trong báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) cũng đề

cấp vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có kiến thức chuyên sâu và tinh thông nghiệp vụ, đồng thời cũng đề cập việc muốn nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội phải có một đội ngũ cán bộ giỏi, có năng lực, có kinh nghiệm, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Cán bộ quản lý hành chính nhà nước (từ Bộ trưởng, Thứ trưởng, Chủ tịch các cấp, Cục, Vụ trưởng...) đều phải là những người hiểu biết nguyên tắc và chế độ quản lý hành chính, hiểu biết pháp luật, hiểu biết chuyên môn. Có loại cán bộ làm công tác tổng hợp, nhưng không có loại cán bộ được coi như là thích hợp với mọi công tác. Để tăng hiệu lực quản lý nhà nước, tăng trách nhiệm của cán bộ giữ vị trí chủ chốt ở các ngành, từ nay chấm dứt tình trạng bổ nhiệm cán bộ không có hiểu biết hoặc kém chuyên môn vào các cương vị lãnh đạo và quản lý cơ quan chuyên môn... Vận dụng quan điểm chỉ đạo theo tinh thần của Nghị quyết đại hội VI của Đảng, Ban Tổ chức của Chính phủ đã từng bước tham mưu, giúp Chính phủ làm tốt hơn công tác lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ. Không những thế, Ban Tổ chức của Chính phủ còn phối hợp với Trường Hành chính Trung ương và Trường Hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức các lớp bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước, đề xuất với Hội đồng Chính phủ những giải pháp nhằm thực hiện tốt việc tiếp nhận, điều động, bố trí sử dụng và bổ nhiệm cán bộ để từng bước hình thành đội ngũ cán bộ chính quyền có đủ năng lực thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Ngay trong thời gian này, Ban rất quan tâm và coi trọng việc nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác tổ chức nhà nước. Trong “năm 1991, Ban đã dựa vào Trường Quản lý Nhà nước Hà Nội và Trường Hành chính thành phố Hồ Chí Minh mở được 11 lớp với số học viên là 1.136 người (trong khi đó năm 1990 chỉ mở được 4 lớp với 546 học viên)”¹. Đây là một cố gắng lớn của Ban

1. Báo cáo công tác năm 1990 của Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ, tài liệu lưu tại Bộ Nội vụ, tr. 5.

và qua những lớp học này cho thấy: việc mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác tổ chức là cần thiết, thiết thực, có tác dụng nhiều mặt. Chính vì thế Ban đã tổ chức đúc rút kinh nghiệm về nội dung, chương trình và thời gian đào tạo, trên cơ sở đó sẽ mở nhiều lớp và hình thức đào tạo cho cán bộ trong những năm tiếp theo.

*
* *

Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và bước đầu tiến hành sự nghiệp đổi mới (1973-1992), cùng với bước phát triển chung của đất nước, Ban Tổ chức của Chính phủ (theo Nghị định số 29/CP ngày 20-2-1973) và Ban Tổ chức-Cán bộ của Chính phủ (theo Nghị định số 135/HĐBT ngày 7-5-1990) cũng có sự trưởng thành về tổ chức và hoạt động.

Trong bối cảnh đất nước vẫn có nhiều khó khăn, thử thách, các thế lực thù địch vẫn không ngừng tìm cách phá hoại, sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng ngày càng bị hạn chế, nền kinh tế đất nước vẫn trong tình trạng trì trệ, kém phát triển; Đảng và Nhà nước đã tìm cách để thoát ra cuộc khủng hoảng, từng bước ổn định đời sống nhân dân và tạo đà cho nền kinh tế phát triển. Trên cơ sở xét tổng thể các nhiệm vụ trong lĩnh vực tổ chức và cán bộ của Chính phủ trong tình hình nhiệm vụ mới và để chuẩn bị cho quá trình sửa đổi mô hình tổ chức Nhà nước và tổ chức Chính phủ sang mô hình mới theo Hiến pháp năm 1980 và để phục vụ cho Đại hội Đảng lần thứ V và Quốc hội khóa VII, Ban Tổ chức của Chính phủ từ chỗ là cơ quan thực hiện chức năng tham mưu của Thủ tướng Chính phủ vào những năm 1970 đã được Chính phủ quyết định cho Ban trở thành cơ quan trực thuộc Chính phủ với chức năng, nhiệm vụ lớn hơn vào những năm 1980.

Trong suốt những năm 1973-1992, Ban đã thực hiện có kết quả chức năng tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước Việt Nam thống nhất; bước đầu đổi mới công tác xây dựng

nền hành chính nhà nước; đổi mới một bước bộ máy chính quyền nhà nước từ Trung ương đến địa phương; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; tinh giản biên chế... đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng trong từng giai đoạn nhất định, đưa đất nước vượt ra khỏi khủng hoảng về kinh tế-xã hội, góp phần đổi mới từng bước tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước để phù hợp với sự chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước, tạo đà cho sự phát triển của đất nước trong những năm sau này.